

THÔNG TIN

Khoa học & Công nghệ



Số 1 - 2007 (55)

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG - 35 TRẦN HƯNG ĐẠO - ĐÀ LẠT - ĐT: 063.821377



- KHCN phục vụ nhiệm vụ đột phá, tăng tốc
- Xây dựng chương trình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao
- Thông tin KHCN phục vụ phát triển nông thôn



- KHCN hỗ trợ kinh tế tập thể
- Xây dựng mô hình sản xuất hoa theo hướng công nghiệp tại Đà Lạt



Thông tin

Khoa học & công nghệ

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG

Số 1.2007

Tổng biên tập:

NGUYỄN MINH TÂM

Phó tổng biên tập:

NGUYỄN THỤY HOÀNG

Trình bày:

NGUYỄN HỮU THANH TUỆ

Ảnh bìa 1 + 4

Tác giả: **Thanh Tuệ**

TRONG SỐ NÀY

- 1 **Trương Trổ:** Khoa học và công nghệ phục vụ nhiệm vụ đột phá, tăng tốc
- 3 **Lê Xuân Phúc:** Quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng góp phần thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế
- 5 Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học, công nghệ
- 7 **Phạm S:** Xây dựng chương trình sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao
- 10 **Nguyễn Minh Tâm:** Thông tin khoa học, công nghệ phục vụ phát triển
- 12 **Nguyễn Trung Dũng:** Khoa học và công nghệ trong việc hỗ trợ kinh tế tập thể
- 14 **Trương Ngọc Lý:** Công tác đào tạo nghề của Lâm Đồng trong thời kỳ hội nhập
- 16 Trang mua bán công nghệ
- 17 **Nguyễn Thọ Biên:** Năm Hợi nói chuyện Lợn
- 18 **Ngọc Anh:** Vì sao người Hồi giáo kiêng ăn thịt Lợn
- 19 **Hồng Hạnh:** Những kỷ lục về Lợn
- 20 **Mộng Sinh:** Việt Nam vào WTO
- 21 **Võ Khiêm:** Xây dựng mô hình sản xuất hoa theo hướng công nghiệp tại Đà Lạt
- 23 **Nguyễn Thiết Giáp:** Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Lâm Đồng trước thềm đại hội lần thứ III
- 25 **Phan Bản:** Chế phẩm probiotics và sức khỏe
- 27 **Nguyễn Hữu Tranh:** ABC Đà Lạt
- 30 **K'Nhiều:** Những câu nói thông dụng tiếng Cơ Ho
- 31 Danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm 2007
- 32 Thông báo tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ năm 2007



bước hình thành thị trường khoa học và công nghệ, tập trung đầu tư chiều sâu, cùng giúp các doanh nghiệp tạo ra các sản phẩm mới, xây dựng thương hiệu, phát triển tài sản sở hữu trí tuệ, cung cấp thông tin về hàng rào kỹ thuật, về hội nhập kinh tế quốc tế, công bố chất lượng sản phẩm... Các đề tài về khoa học xã hội và nhân văn cũng được quan tâm đúng mức để làm cơ sở cho việc đề ra các chủ trương, chính sách đối với các vùng, các địa phương có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, nhằm phát triển nền kinh tế - xã hội một cách bền vững. Hoạt động khoa học và công nghệ đã có những đóng góp không nhỏ trên các lãnh vực kinh tế - xã hội của tỉnh.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ tám xác định tăng GDP trong giai đoạn 2006-2010 bình quân là 13-14%; GDP đầu người năm 2010 là 15,5-16,5 triệu đồng; tỉ trọng nông nghiệp chiếm 36-38%; dịch vụ 36-38%; công nghiệp-xây dựng 26%; tổng đầu tư toàn xã hội tăng 3,2 - 3,3 lần...

Để thực hiện các mục tiêu trên cần tiến hành các biện pháp đột phá, tăng tốc trên các loại sản phẩm chiến lược, các ngành kinh tế mũi nhọn, và các yếu tố kinh tế động lực. Vấn đề này còn mang ý nghĩa là phải áp dụng và phát huy triệt để các **NGUỒN LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** vào các sản phẩm, các lãnh vực kinh tế mũi nhọn nói trên. Muốn vậy, tỉnh ta cần phải đầu tư mạnh cho các hoạt động

nghiên cứu khoa học, tiếp nhận và chuyển giao các công nghệ tiên tiến và phù hợp từ các nước phát triển để phục vụ cho việc sản xuất các sản phẩm tiềm năng của mình, từ đó tham gia cạnh tranh và tiến đến có thể chi phối được một phần thị trường trong nước và quốc tế, nâng cao hàm lượng khoa học và công nghệ trong việc lập quy hoạch, kế hoạch chiến lược và cụ thể, trong quản lý nhà nước ở các cấp các ngành.

Ngoài ra, muốn đột phá và tăng tốc cũng cần phải có nguồn lực bao gồm cả nội lực và ngoại lực, cả hai nguồn lực này đều quan trọng trong quá trình phát triển của tỉnh. Tùy vào từng loại nguồn lực mà chúng ta có những quyết định, giải pháp phù hợp. Tuy nhiên, nếu biết kết hợp cả hai nguồn lực này một cách hài hòa, nhuần nhuyễn thì sẽ chuyển thành một nguồn lực tổng hợp đủ mạnh, có thể tăng tốc để đột phá và đột phá để tăng tốc.

Bài học được rút ra sau hai mươi năm đổi mới của Đảng ta cũng đã khẳng định: *"Phát huy nội lực, xem đó là nhân tố quyết định đối với sự phát triển; coi trọng huy động các nguồn ngoại lực, thông qua hội nhập và hợp tác quốc tế. Tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để phát huy nội lực mạnh hơn nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước nhanh và bền vững, giữ vững độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa"*. ■



Sử dụng sắc ký khí để kiểm tra chất lượng hàng nông sản tại VILAS 245



QUẢN LÝ TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG GÓP PHẦN THÚC ĐẨY HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

LÊ XUÂN PHÚC

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng

Sau nhiều năm nỗ lực cố gắng, với những chuyển biến nhanh và tích cực về mọi mặt, phù hợp với xu thế phát triển chung của kinh tế khu vực và thế giới, kết hợp với sự bền bỉ, tích cực trong đàm phán, Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức thứ 150 của Tổ chức thương mại thế giới (WTO).

Tuy nhiên để hội nhập với một thế đứng vững vàng trước những thử thách đầy cam go, có thể từng bước tranh đua một cách sòng phẳng với các đối tác mạnh trên sân chơi thương mại toàn cầu, chúng ta còn phải cố gắng nhiều hơn nữa.

Trong bối cảnh đó, ngành Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (TCĐLCL) đã có nhiều hoạt động để tham gia hội nhập; xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về TCĐLCL theo hướng đưa hệ thống văn bản này tương thích với hệ thống pháp luật quốc tế; Đẩy mạnh tuyên truyền và từng bước triển khai việc thực thi nghĩa vụ của Việt Nam đối với các Hiệp định quốc tế có liên quan; Xây dựng, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia hài hòa với hệ thống tiêu chuẩn quốc tế; Đổi mới cơ chế quản lý về TCĐLCL theo hướng tăng tính tự chủ của địa phương, hỗ trợ, thúc đẩy các doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh về mọi mặt; Xây dựng và đẩy mạnh phong trào Năng suất – Chất lượng trên diện rộng...

Đối với Lâm Đồng, trong những năm qua, Chi cục TCĐLCL đã bám sát sự chỉ đạo chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, sự lãnh đạo, quản lý trực tiếp của Sở Khoa học và Công nghệ. Qua đó cố gắng đẩy mạnh hoạt động quản lý TCĐLCL, phục vụ kịp thời các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương và góp phần thúc đẩy quá trình hội nhập.

Nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp (DN) địa phương nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường khả năng cạnh tranh, Chi cục đã chú trọng hướng dẫn việc cải tiến, hợp lý hóa sản xuất, áp dụng các phương thức quản lý chất lượng tiên tiến như ISO 9000, HACCP, GMP... Hiện đã có 12 doanh nghiệp triển khai áp dụng hệ thống ISO 9000, GMP, HACCP (trong đó đã có 07 doanh nghiệp được cấp chứng nhận).

Bên cạnh đó, Giải thưởng Chất lượng Việt Nam được tổ chức hàng năm đã có tác dụng tôn vinh và thu hút doanh nghiệp hướng tới việc đầu tư nhiều hơn cho chất lượng sản phẩm của mình. Số lượng doanh nghiệp của Lâm Đồng tham dự và đoạt giải thưởng Chất lượng Việt Nam tăng sau mỗi năm.

Hoạt động công bố chất lượng cũng đã giúp cho doanh nghiệp hướng tới việc nâng dần mức chất lượng sản phẩm, thông qua việc xây dựng tiêu chuẩn cơ sở hài hòa dần với tiêu chuẩn quốc gia và tiếp cận các tiêu chuẩn tiên tiến.

Việc đơn giản hóa các thủ tục hành chính cũng đang là mối quan tâm lớn của toàn xã hội, là một trong những yếu tố tích cực thúc đẩy sự phát triển kinh tế địa phương theo



hướng tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp trong và ngoài nước tăng cường đầu tư, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh.

Thực hiện chủ trương cải cách hành chính theo cơ chế “một cửa” của nhà nước, Chi cục đã tăng cường hoạt động tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các cơ quan triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ áp dụng hệ thống ISO 9000 giai đoạn 2000-2005 và 2005-2010 trong dịch vụ hành chính công cho các đơn vị sở, ngành, UBND các cấp. Đến nay đã có 15 đơn vị đã và đang triển khai thực hiện (05 UBND cấp huyện và 10 sở, ban, ngành), trong đó có 8 đơn vị đã được cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2000. Đặc biệt, UBND thành phố Đà Lạt là đơn vị đầu tiên trong cả nước áp dụng ISO 9000 đến tận các đơn vị phường xã. Đến hết năm 2008, ngoài các đơn vị nêu trên, 30 đơn vị quản lý nhà nước còn lại trong tỉnh sẽ tiếp tục triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9000. Mặt khác, đối với các đơn vị đã triển khai áp dụng sẽ tiếp tục mở rộng phạm vi cho nhiều sản phẩm khác còn lại, các UBND huyện sẽ tiếp tục triển khai đến tận các địa bàn phường xã.

Đáp ứng một trong các nghĩa vụ khi tham gia WTO, hoạt động Thông báo và hỏi đáp về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) cũng đang được từng bước triển khai: Cơ quan thông báo và hỏi đáp về TBT và các điều kiện cần thiết được xác lập; phối hợp Văn phòng TBT Việt Nam phổ biến các quy định về Hiệp định TBT cho các sở, ngành và doanh nghiệp trong tỉnh; rà soát các văn bản pháp quy do UBND tỉnh ban hành có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh; Khảo sát tình hình sản xuất kinh doanh, đặc biệt chú trọng các doanh nghiệp có sản phẩm xuất khẩu để chuẩn bị cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu về TBT; Tham mưu soạn thảo Quy định về hoạt động Thông báo và Hỏi đáp về TBT tại Lâm Đồng; Xây dựng website và Cơ sở dữ liệu về TBT để

phục vụ cho nhiệm vụ thông báo và hỏi đáp; Tiếp tục thực hiện các lớp tập huấn chuyên sâu hơn về TBT.

Hoạt động quản lý đo lường cũng đã và đang đóng vai trò quan trọng, là công cụ hữu hiệu cả trong định lượng lẫn định tính, đảm bảo tính thống nhất, công bằng, chính xác trong mua bán trao đổi hàng hóa tại địa phương lẫn thương mại quốc tế.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý đo lường tại địa phương và chuẩn bị cho giao lưu thương mại quốc tế trong thời kỳ “hậu WTO”, nhiều năm qua Chi cục đã tích cực chuẩn bị các điều kiện về nguồn lực, cả con người lẫn các chuẩn và thiết bị đo lường và đã được công nhận mở rộng khả năng kiểm định về các lĩnh vực đo, tiến tới đảm bảo kiểm định được hầu hết các loại phương tiện đo đang tham gia vào các hoạt động mua bán trao đổi hàng hóa, hoạt động sản xuất kinh doanh trong tỉnh. Đồng thời từng bước xây dựng phòng Hiệu chuẩn đo lường, hỗ trợ doanh nghiệp về đo lường công nghiệp, hỗ trợ cho quá trình sản xuất nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng cường khả năng cạnh tranh.

Bên cạnh những kết quả đáng ghi nhận của nỗ lực hướng tới hội nhập thì công tác quản lý TCĐLCL địa phương vẫn còn những hạn chế: chưa xây dựng được những mô hình tối ưu, những điểm sáng thực hiện áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong lĩnh vực nông nghiệp như rau, hoa... vốn là thế mạnh của địa phương; còn thiếu một đội ngũ chuyên gia giỏi; một điều kiện cơ sở vật chất tốt có đủ khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của hội nhập về TCĐLCL trong giai đoạn tới.

Những hạn chế đó cần sớm được khắc phục để có thể phát huy tốt vai trò quản lý TCĐLCL, chủ động hơn trong hội nhập, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. ■



Hội nghị tập huấn về rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT)

CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG

Trong bài phát biểu của Thủ tướng Phan Văn Khải tại cuộc họp mặt các doanh nghiệp ngày 09/2/2006 có nêu rõ: “... Áp dụng các biện pháp nâng cao năng lực cạnh tranh như đổi mới trình độ quản lý, đổi mới công nghệ, giảm giá thành, xây dựng thương hiệu, phát triển hệ thống phân phối, phát triển nguồn nhân lực v.v... Trong các giải pháp, cần chú ý hơn nữa các giải pháp về khoa học, công nghệ, xem đây là một yếu tố quyết định nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện hội nhập”. Mặt khác Thủ tướng cũng nhấn mạnh Chính phủ “coi việc đưa khoa học, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh là nhiệm vụ rất quan trọng trong thời gian tới”.

Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học, công nghệ (KHCN) của tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2006-2010 là sự cụ thể hoá Nghị định 119/1999/NĐ-CP về chính sách và cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào KHCN và theo Nghị định 90/2001/NĐ-CP về hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Mục tiêu của chương trình là thông qua hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng các kỹ thuật tiên bộ, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý, phát triển thương hiệu nhằm nâng cao năng suất và chất lượng, tăng cường được sức cạnh tranh, chủ động hội nhập.

Trong kế hoạch KHCN 2001-2005, mặc dù có một số hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp đạt các kết quả bước đầu như: tổ chức được trên 60 lớp đào tạo tập huấn về các lĩnh vực tiêu chuẩn hoá, quản lý chất lượng sản phẩm, sở hữu công nghiệp, hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT)...; 12 dự án hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO 9000, HACCP...); hỗ trợ áp dụng công nghệ thông tin; dịch vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm... tuy nhiên cả mức độ và phạm vi còn rất hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp trong quá trình hội nhập. Trong khi đó, nhìn chung tình hình áp dụng

KHCN trong các doanh nghiệp của tỉnh như về trình độ công nghệ, hoạt động tiêu chuẩn hoá và phát triển tài sản trí tuệ còn hạn chế.

Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp giai đoạn 2006-2010, tiếp tục phát triển các nội dung đã được khẳng định trong thời gian qua, đồng thời tập trung vào các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiến bộ KHCN, đổi mới công nghệ, cung cấp thông tin KHCN, phát triển thương hiệu và cung cấp các dịch vụ KHCN hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Đối tượng được hưởng lợi từ chương trình này bao gồm các loại hình doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và các hợp tác xã (theo Nghị định 119/1999/NĐ-CP) và các cơ sở ngành nghề nông thôn (theo Nghị định 66/2006/NĐ-CP). Các hướng sản xuất kinh doanh được ưu tiên hỗ trợ là nhóm sản xuất các sản phẩm trọng điểm của tỉnh như: rau, hoa, chè, khai thác khoáng bột... Trong đó tập trung vào phục vụ các chương trình trọng tâm của tỉnh: nhấn mạnh sự tập trung phát triển nông nghiệp công nghệ cao, đồng thời với việc phát triển nhanh các ngành công nghiệp; áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế cho sản phẩm, thực hiện được các hoạt động chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn quốc tế, đến việc xây dựng và phát triển thương hiệu, nâng cao giá trị sản phẩm của địa phương.

Chương trình cũng nhấn mạnh việc nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp. Trong quá



trình hội nhập kinh tế quốc tế, việc nâng cao khả năng cạnh tranh dù là với các thị trường xuất khẩu hay nội tiêu đều là vấn đề đặt ra với mỗi doanh nghiệp. Trong điều kiện hiện nay việc nhận thức đúng về các thời cơ cũng như thách thức của hội nhập, nhất là nhận thức đúng các thách thức, trong đó có vấn đề rào cản phi thuế quan là rất quan trọng với doanh nghiệp. Nó giúp doanh nghiệp định hướng các hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với thông lệ thương mại, chủ động khi tham gia thị trường chung.

Một khía cạnh rất quan trọng trong nền sản xuất hiện đại là hệ thống các hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh như: dịch vụ tài chính, tư vấn pháp luật, đánh giá thị trường, dịch vụ KHCN... Đây là xu thế của sự phân công lao động xã hội và là hoạt động phổ biến ở các nước phát triển. Đối với các doanh nghiệp của ta chủ yếu quy mô vừa và nhỏ thì việc đầu tư các hoạt động dịch vụ, nhất là về KHCN, là rất khó khăn với từng doanh nghiệp. Trong khi các hoạt động này là rất cần thiết để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có kết quả và hiệu quả, đặc biệt trong điều kiện hội nhập: như kiểm tra đánh giá chất lượng, đảm bảo nền tảng công nghệ thông tin của doanh nghiệp, đánh giá tư vấn về công nghệ, thiết bị... Việc sử dụng các dịch vụ được cung cấp từ bên ngoài sẽ hiệu quả nhất là khi có nhiều điều kiện để lựa chọn. Hiện tại ở tỉnh ta hầu như chưa có các cơ sở cung cấp các dịch vụ này, trừ một số cơ quan sự nghiệp như các trung tâm về KHCN. Trước khi có nhiều doanh nghiệp thực hiện các dịch vụ này, chương trình sẽ tập trung đầu tư cho một số cơ quan sự nghiệp để cung cấp các dịch vụ cần thiết nhất như kiểm tra đánh giá chứng nhận chất lượng, hiệu chuẩn các trang thiết bị kỹ thuật, tư vấn chuyển giao công nghệ, thông tin thị trường... đảm bảo việc phục vụ các doanh nghiệp tham gia hội nhập.

Việc hỗ trợ doanh nghiệp theo các mức độ khác nhau, với các nội dung chủ yếu về KHCN, trình tự thủ tục xem xét các dự án về cơ bản như phương thức quy định tại Nghị định 119/1999/NĐ-CP (tức là thông qua các dự án và do Hội đồng KHCN xem xét tư vấn cho cơ quan quản lý).

Chương trình này không chỉ là để hỗ trợ các doanh nghiệp đơn thuần, mà cũng là cơ hội cụ thể để thực hiện sự gắn kết KHCN với sản xuất. Các nhà KHCN có thể tìm thấy các nhu cầu cũng như các địa chỉ để thực hiện các ứng dụng KHCN đã và sẽ được nghiên cứu. Thông qua đó, các kết quả nghiên cứu sẽ được nhanh chóng áp dụng, mang lại giá trị cho xã hội.

Để chương trình có thể đạt được các mục tiêu đặt ra, trước hết mỗi doanh nghiệp cần thấy được cơ hội cho sự phát triển của mình và chủ động tham gia. Nhưng đây cũng là trách nhiệm của các ngành, các cấp trong việc định hướng cho các doanh nghiệp trên địa bàn theo chương trình phát triển kinh tế - xã hội và hướng chuyển đổi cơ cấu kinh tế của địa phương, động viên họ đăng ký tham gia thực hiện chương trình.

Mặt khác, hiện nay Nhà nước đang có nhiều chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trên các lĩnh vực khác nhau như chương trình khuyến nông, khuyến công, phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, xúc tiến thương mại nông nghiệp,... Cần có sự phối hợp các chương trình khác tạo điều kiện cho doanh nghiệp sử dụng phát triển kinh doanh có hiệu quả, tránh để xảy ra đầu tư trùng lặp.

Để tiếp cận với chương trình, các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở ngành nghề nông thôn, các tổ chức cá nhân hoạt động KHCN... có thể liên hệ với Sở KHCN để được hướng dẫn cụ thể, hoặc tham khảo trên website <http://www.dalat.gov.vn/htdn>. ■



XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG CÔNG NGHỆ CAO

PHẠM S

P. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lâm Đồng

I. Khái quát về sản xuất nông nghiệp công nghệ cao (NNCNC)

1. Sản xuất NNCNC trên thế giới

Ở các nước phát triển như: Pháp, Hà Lan, Nhật khu NNCNC có 2 chức năng: một là, phục vụ thưởng thức cảnh quan và nâng cao hiểu biết của người dân về những thành tựu khoa học, công nghệ trong nông nghiệp, thông qua giới thiệu, trưng bày, mô hình trình diễn; hai là, thay đổi phương thức nghỉ ngơi, tạo điều kiện cho những người hàng ngày lao động ở văn phòng tiếp xúc với lao động chân tay, thông qua du lịch sinh thái, ứng dụng thực tế các thành tựu khoa học trong nông nghiệp.

Tại các nước đang phát triển như: Trung Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Israel thì khu nông nghiệp công nghệ cao có mục tiêu sản xuất là chính. Tại đây, người ta thường trình diễn các loại sản phẩm có giá trị cao, các thiết bị sản xuất có hàm lượng chất xám cao và khả năng đào tạo, chuyển giao công nghệ.

Chức năng chính của khu NNCNC gồm có 5 nội dung: (1) Điểm trình diễn sáng tạo; (2) Nơi hội tụ các nhân tài; (3) Đầu tư tập trung; (4) Địa điểm để đổi mới công nghệ; (5) Khu ương tạo và đào tạo công nghệ.

Khu NNCNC là khu vực khép kín trình diễn, chuyển giao công nghệ, ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản. Tuy vậy, tùy theo điều kiện kinh tế của mỗi quốc gia, mỗi địa phương và lợi thế so sánh về chủng loại cây trồng, vật nuôi mà sự phân cấp ở mức độ cao thấp khác nhau: Khu nông nghiệp kỹ thuật cao và Khu NNCNC.

Trên thế giới, tùy theo nguồn lực mỗi quốc gia, mà việc đầu tư nghiên cứu và định hướng sản xuất NNCNC cách đây từ 10 đến vài chục năm, sản phẩm NNCNC đáp ứng nhu cầu thị trường quốc nội và xuất khẩu.

2. Tình hình sản xuất NNCNC ở Việt Nam

Ở Việt Nam trên cơ sở tiềm lực của quốc gia,

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có định hướng sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao từ năm 2002, với lộ trình và mức độ đầu tư phù hợp với điều kiện kinh tế, nguồn lực ở Việt Nam.

Hệ thống NNCNC là sử dụng các loại công nghệ: công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới, công nghệ sinh học, công nghệ quản lý... nhằm nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả, sức cạnh tranh nông sản hàng hoá, đảm bảo phát triển bền vững; thực hiện mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Tuy vậy, lộ trình ứng dụng vào sản xuất trên phạm vi toàn quốc còn rất khiêm tốn, do điều kiện kinh tế, nguồn lực về khoa học và công nghệ, xác định loại cây trồng vật nuôi có lợi thế so sánh đó chính là bài toán đặt ra cho từng địa phương.

Do vậy, hiện nay trên toàn quốc chỉ có một số tỉnh, thành phố đầu tư nguồn lực và triển khai chương trình NNCNC đó là: Hà Nội, Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Dương, Vĩnh Phúc, Lâm Đồng, Cần Thơ, Lào Cai và Đồng Nai. Song, tùy thuộc vào điều kiện kinh tế, lợi thế so sánh cây trồng, vật nuôi từng địa phương mà mức độ đầu tư và phương thức làm cũng khác nhau. Ở Hà Nội, Nhà nước đầu tư hoàn toàn ngân sách để nhập thiết bị từ nước ngoài, đầu tư xây dựng mô hình sản xuất NNCNC, song kết quả cũng chỉ dừng lại mô hình mà chưa được nhân rộng và hiệu quả còn rất khiêm tốn, chưa phát huy trong sản xuất; ở TP. Hồ Chí Minh, Nhà nước quy hoạch khu tập trung 88 ha, đầu tư cơ sở hạ tầng, có sẵn mặt bằng, xây dựng mô hình điểm, tạo cơ chế chính sách để thu hút các nhà đầu tư vào sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao; ở các tỉnh Hải Dương, Vĩnh Phúc, Nhà nước quy hoạch vùng sản xuất với quy mô diện tích không lớn, chỉ vài chục hecta, đầu tư một phần ngân sách thông qua công nghệ và huấn luyện nông dân, định hướng sản xuất các thành phần kinh tế, nâng cấp nông dân sản xuất theo hướng kỹ thuật cao, chủ yếu là phục vụ sản xuất.

3. Định hướng sản xuất NNCNC ở Lâm Đồng

Trên cơ sở lợi thế so sánh về điều kiện tự nhiên và xác định cây trồng, vật nuôi có lợi thế tiềm năng, tỉnh Lâm Đồng xác định NNCNC là một trong 06 chương trình trọng tâm của Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng khoá VII. Nội dung chương trình đã được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt tại quyết định số 56/2004 ngày 02 tháng 4 năm 2004 với tổng vốn đầu tư: 2.722,810 triệu đồng, trong đó, bao gồm vốn ngân sách, vốn đầu tư của nhân dân và các tổ chức kinh tế; vốn đầu tư của nhân dân và các tổ chức kinh tế là chủ yếu: 2.684,810 triệu đồng; cơ cấu nguồn vốn ngân sách là: 38.000 triệu đồng, đầu tư xây dựng các dự án quy hoạch khu NNCNC qua cơ chế, chính sách; cơ sở hạ tầng thiết yếu đầu mối (giao thông, điện, thủy lợi) đầu tư hỗ trợ trực tiếp cho các mô hình... Sản xuất NNCNC tại Lâm Đồng theo phương thức đa hướng:

- *Hướng thứ nhất:* Nhà nước đầu tư 100% ngân sách để xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư trực tiếp nâng cao năng lực sản xuất giống đối với 02 trung tâm nghiên cứu trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và xây dựng 08 mô hình điểm nông nghiệp công nghệ cao sản xuất rau, hoa, dâu tây và chè chất lượng cao.

- *Hướng thứ hai:* Nhà nước quy hoạch vùng để nâng cấp các thành phần kinh tế, chủ yếu nâng cấp nông dân để ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất rau, hoa, dâu tây, chè chất lượng cao được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt tại quyết định số 242/2004/QĐ-UB ngày 31/12/2004, tổng diện tích quy hoạch vùng rau, hoa, dâu tây đến năm 2010 là 1.732 ha sản xuất theo quy trình NNCNC và quyết định số 243/2004/QĐ-UB ngày 31/12/2004, tổng diện tích quy hoạch vùng chè chất lượng cao đến năm 2010 là 4.187 ha.

- *Hướng thứ ba:* Nhà nước quy hoạch các điểm thu hút đầu tư phát triển nông, lâm kết hợp gắn với phát triển chăn nuôi bò sữa, bò thịt chất lượng cao được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt tại quyết định số 237/2004/QĐ-UB ngày 22/12/2004, tổng diện tích quy hoạch đến năm 2010 là 9.147 ha tại 54 tiểu khu, gồm 35 điểm được phân thành 56 lô tại các địa phương trong tỉnh và tiếp tục thực hiện chương trình phát triển giống bò sữa chất lượng cao và điều chỉnh lại quy mô đàn đến năm 2005 là 5.000 con, đàn bò siêu thịt 2.000 con và đến năm 2010 từ 7.000-10.000 con, chủ yếu là đàn bò sữa thuần; đàn bò siêu thịt chất lượng cao đạt từ 10.000-12.000 con.

- *Hướng thứ tư:* Nhà nước quy hoạch khu tập trung tại huyện Lạc Dương, được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt tại quyết định số 100/2004/QĐ-UB ngày 17/6/2004 để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào sản xuất rau, hoa, dâu tây theo hướng NNCNC và kinh doanh du lịch sinh thái, tổng diện tích quy hoạch là 699 ha, trong đó đất nông nghiệp nội vùng 388,5 ha, đất lâm nghiệp và đất khác 310,35 ha.



II. Những đề xuất khi xây dựng chương trình sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao ở Việt Nam

Việt Nam có vị trí địa lý nằm ở Bắc bán cầu kéo dài từ 8°34'-23°23' vĩ độ Bắc, bị chi phối khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm mưa nhiều, được phân thành 7 vùng khí hậu, do đó cũng hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá khác nhau, do vậy khi triển khai các chương trình nông nghiệp theo hướng CNC cần chú ý đến điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ quản lý và canh tác có liên quan đến việc sản xuất nông nghiệp, đó là những điều kiện có tác động nhất định cho nông nghiệp phát triển theo hướng NNCNC. Đây là những vấn đề cơ bản có tính quyết định đến việc thành công hay thất bại khi triển khai thực hiện chương trình NNCNC ở Việt Nam. Trên cơ sở chương trình NNCNC ở Lâm Đồng trong thời gian qua, chúng tôi xin được đề xuất và chia sẻ những kinh nghiệm bước đầu khi xây dựng chương trình sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao ở Việt Nam.

Ở phạm vi quốc gia việc tổ chức thực hiện nông nghiệp công nghệ cao cần phải xác định lợi thế so sánh từng loại cây trồng vật nuôi, xác định lộ trình và mức độ đầu tư phù hợp nhằm triển khai đồng bộ: trường đại học, viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu, mô hình NNCNC ở huyện.

+ Mô hình NNCNC do ngân sách Nhà nước đầu tư toàn bộ ở tại trường đại học, viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu, trạm ở huyện, mục đích làm mô hình triển khai, nhân rộng trong sản xuất, trên cơ sở nghiên cứu có hệ thống các thông số kỹ thuật.

+ Ứng dụng NNCNC cần theo 02 hướng chính:

- Từ các mô hình NNCNC, Nhà nước quy hoạch, phân vùng đầu tư cơ sở hạ tầng (điện, thủy lợi, giao thông) hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn, khuyến nông, quy hoạch từng khu NNCNC trong vùng đất sẵn có của nông dân, định hướng, nâng cấp nông dân sản xuất theo hướng công nghệ cao.

- Tạo cơ chế chính sách thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp trong và ngoài nước có thế mạnh về tài chính, nguồn nhân lực cao, công nghệ cao trong nông nghiệp để họ tự đầu tư sản xuất khép kín trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản theo hướng NNCNC. Cần có cơ chế chính sách ở các khu thu hút sản xuất NNCNC tập trung tương tự như các khu, cụm công nghiệp.

Ở phạm vi của tỉnh, trên cơ sở về điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội cụ thể mà xây dựng sát với yêu cầu thực tế, cần xác định mối quan hệ tổng thể các yếu tố liên quan như sau:

1- Cần xác định cây trồng, vật nuôi có lợi thế tiềm năng của địa phương là gì?

2- Cần rà soát nắm được hiện trạng cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn nhân lực phục vụ NNCNC.

3- Xác định nguồn kinh phí đầu tư của địa phương là bao nhiêu, để từ đó xác định hướng sản xuất NNCNC có hiệu quả.

4- Cần chú ý đẩy mạnh công nghiệp chế biến gắn với thị trường tạo liên kết đồng bộ giữa vùng nguyên liệu và công nghệ chế biến.

5- Hướng sản xuất thực phẩm an toàn tiến đến đạt tiêu chuẩn GAP, ISO 9000, HACCP... phục vụ cho các khu công nghiệp và xuất khẩu.

6- Hướng sản xuất NNCNC gắn với du lịch sinh thái và kết hợp đào tạo nguồn nhân lực ở địa phương và huấn luyện nông dân.

7- Xác định quy mô chương trình NNCNC cho từng loại sản phẩm nông nghiệp theo lộ trình thời gian cụ thể: 5 năm; 10 năm; 15 năm và trên 20 năm để từ đó có hướng đầu tư trọng điểm, bền vững, xác định hướng sản xuất hiệu quả cao là chính.

8- Tuỳ theo điều kiện của địa phương mà các lĩnh vực công nghệ cao được ứng dụng trong nông nghiệp tại địa phương cho phù hợp: Công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ quản lý, xử lý thông tin, công nghệ tự động hóa (hệ thống máy tính điều chỉnh môi trường theo yêu cầu sinh lý cây trồng); hệ thống tưới hiệu quả cao tiết kiệm nước, công nghệ canh tác sạch v.v...

9- Giá trị đầu tư công nghệ cao phải chấp nhận sự biến động rất lớn trong thực tiễn, bởi vì nó tùy thuộc vào nhiều điều kiện:

- + Điều kiện sinh thái vùng khí hậu;
- + Yêu cầu kỹ thuật:
 - Nhà plastics hay nhà lưới.
 - Vật liệu xây dựng.
 - Kích cỡ, độ cao, quy mô sản xuất.
 - Công nghệ cao ứng dụng ở mức độ nào.
- + Loại cây trồng, vật nuôi yêu cầu sinh lý từng giống cây trồng, vật nuôi;

+ Kỹ thuật canh tác, kỹ thuật chăn nuôi: An toàn, hữu cơ, thủy canh...;

+ Giá thành của sản phẩm được thị trường chấp nhận.

Với điều kiện tiềm năng hiện nay, chúng tôi đề xuất chương trình NNCNC phát triển theo đa hướng như sau:

- *Hướng thứ nhất:* Nhà nước đầu tư 100% kinh phí đào tạo nguồn nhân lực, trước mắt lựa chọn các cán bộ có năng lực định hướng, quản lý và chuyên gia kỹ thuật chương trình NNCNC của tỉnh đi tham quan các mô hình sản xuất NNCNC một số quốc gia có điều kiện tự nhiên tương tự như địa phương mình và một số địa phương trong nước. Cử cán bộ khoa học đào tạo chuyên sâu ngắn hạn và dài hạn về lĩnh vực nông học và sinh học, đồng thời có chính sách thu hút các chuyên gia giỏi tham gia chương trình NNCNC.

- *Hướng thứ hai:* Nhà nước đầu tư 100% ngân sách để xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư trực tiếp nâng cao năng lực sản xuất giống cho các Công ty giống trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (kể cả giống cây và giống con). Xây dựng các mô hình điểm NNCNC sản xuất rau, hoa nhiệt đới, cây ăn quả nhiệt đới, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cao cấp.

- *Hướng thứ ba:* Nhà nước quy hoạch vùng/điểm để nâng cấp các thành phần kinh tế, chủ yếu nâng cấp nông dân để ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất rau, hoa nhiệt đới, cây ăn quả đặc sản, cây đặc hữu của địa phương, chăn nuôi, liên kết tiêu thụ sản phẩm ở các khu công nghiệp và xuất khẩu.

- *Hướng thứ tư:* Nhà nước quy hoạch các điểm thu hút đầu tư phát triển nông, lâm kết hợp gắn với phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao và kinh doanh du lịch sinh thái, gắn với nghỉ dưỡng và đào tạo, thực tập và nghiên cứu khoa học.

- *Hướng thứ năm:* Nhà nước quy hoạch khu tập trung để kêu gọi, mời chào các nhà đầu tư đưa công nghệ vào sản xuất theo hướng NNCNC, tạo cơ chế, chính sách thông thoáng, công nghệ cao do các nhà đầu tư đưa vào (ở mỗi tỉnh nên quy hoạch một khu sau đó sơ kết, đánh giá, nhân rộng).

- *Hướng thứ sáu:* Nhà nước chọn quy hoạch các khu vực có diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản thuận lợi có quy mô lớn để nuôi trồng thủy sản/cá có chất lượng và giá trị cao.

Trên cơ sở thực tế triển khai chương trình NNCNC ở Lâm Đồng chúng tôi xin được chia sẻ những kinh nghiệm bước đầu và đề xuất chương trình NNCNC với các tỉnh nhằm khai thác tiềm năng nông nghiệp của địa phương trong quá trình hội nhập WTO. ■

THÔNG TIN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN

NGUYỄN MINH TÂM

Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng

C húng ta đang sống trong thời đại cách mạng khoa học và công nghệ (KHCN), trong xu thế hội nhập toàn cầu hóa. Giờ đây lợi thế cạnh tranh hàng đầu của các quốc gia không phải là tài nguyên thiên nhiên, mà là năng lực về KHCN. Lợi thế cạnh tranh hàng đầu của một doanh nghiệp không phải là vốn, mà là sự sẵn sàng về thông tin. Trong nền kinh tế tri thức, các nghiên cứu KHCN gia tăng với tốc độ chóng mặt và kết quả của nó được nhanh chóng đưa vào sản xuất để tạo ra các giá trị vượt trội. Trong quá trình đó, thông tin KHCN giữ một vị thế quan trọng. Hoạt động thông tin KHCN không chỉ cung cấp các tư liệu cho các nhà khoa học nghiên cứu, cung cấp cơ sở quyết định cho các nhà quản lý, mà quan trọng hơn là cung cấp các hướng dẫn, các thông tin kỹ thuật, công nghệ cần thiết để các doanh nghiệp, các nhà sản xuất kinh doanh lựa chọn ứng dụng vào sản xuất nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả kinh doanh. Nó cũng đồng thời cung cấp tri thức cho toàn thể cộng đồng, góp phần nâng cao dân trí.

Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, nước ta với một nền kinh tế còn rất yếu kém lạc hậu, nhiều hoạt động kinh tế chuyển đổi đang diễn ra để thích ứng, thì thông tin KHCN càng giữ vai trò quan trọng. Đảng và Nhà nước đã có các chính sách để phát triển thông tin KHCN. Nghị định 159/2004/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động thông tin KHCN đã tạo ra cơ chế cụ thể để huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển hoạt động thông tin KHCN, phù hợp với cơ chế thị trường KHCN đang hình thành, nhằm phục vụ tốt hơn sự phát triển đất nước.

Ở tỉnh ta, trong thời gian qua, hoạt động thông tin KHCN đã có những đóng góp nhất

định vào việc phát triển KHCN và ứng dụng KHCN, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hoạt động tuyên truyền phổ biến KHCN được tiến hành tương đối có kết quả theo nhiều kênh khác nhau như: phương tiện thông tin đại chúng; hoạt động chuyên ngành như khuyến nông, khuyến công; qua tập san (hàng quý), bản tin KHCN (10 ngày/số), các ấn phẩm điện tử KHCN (CD-ROM tư liệu, website của Sở KHCN); qua các loại hình thư viện; hội chợ công nghệ, thiết bị địa phương... Qua đó, đã cung cấp thông tin KHCN thích hợp với địa phương, kết quả khá thiết thực trước hết là cho các nhà quản lý và nghiên cứu KHCN, rồi đến các doanh nghiệp, người sản xuất và cả cộng đồng.

Nhưng nhìn chung, thông tin KHCN ở tỉnh ta còn rất thiếu, đặc biệt là thông tin KHCN cần thiết cho các doanh nghiệp, người sản xuất kinh doanh. Hoạt động thông tin KHCN của tỉnh còn nhỏ bé và thiếu hệ thống. Ngoại trừ hoạt động thông tin KHCN trong các trường Đại học, Viện nghiên cứu KHCN của Trung ương đóng trên địa bàn và Sở KHCN là có bộ phận chuyên trách, còn lại đều là lồng ghép. Đa phần các kênh thông tin KHCN chuyên ngành phục vụ hoạt động nội nghiệp của các ngành là chính, việc chia sẻ thông tin hầu như chưa có. Việc cung cấp thông tin KHCN của địa phương cho các đối tượng sản xuất kinh doanh và đáp ứng nhu cầu chung của cộng đồng còn rất hạn chế. Trước đây tỉnh cũng đã từng có thư viện KHKT, song sự hạn chế về đầu tư nâng cấp cả về tư liệu và công nghệ phục vụ, cùng với tâm lý người sử dụng trong điều kiện phát triển nhanh chóng về KHCN và công nghệ thông tin, đã làm nó không còn phát huy được vai trò. Hoạt động tạo lập nguồn thông tin KHCN tại địa phương chưa được đầu tư đúng mức. Một



lý do nữa cho sự phát triển còn hạn chế của hoạt động thông tin KHCN là do tâm lý và tập quán của người dùng tin. Ví như, hầu hết các doanh nghiệp vẫn thiếu chủ động trong việc tìm kiếm thông tin KHCN, thậm chí còn có tư tưởng ỷ lại sự cung cấp như thời bao cấp. Song xét đến cùng đó cũng vẫn là lỗi của người làm công tác thông tin KHCN, chưa biết tuyên truyền “đánh bóng” các sản phẩm, cũng như hoạt động của mình. Đó cũng là điều rất quan trọng trong nền kinh tế thị trường hiện đại. Nhà cung ứng không chỉ thụ động đáp ứng yêu cầu của khách hàng, mà phải biết chủ động định hướng khách hàng, cũng giống như PR đã lên ngôi thay cho marketing vậy.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương, công tác thông tin KHCN thời gian tới cần tập trung vào một số nội dung hoạt động như: tổ chức lại khả năng phục vụ thông tin trực tiếp và thiết thực cho các nhà sản xuất kinh doanh, xây dựng một cơ chế chia sẻ thông tin thích hợp để khai thác tốt nhất mọi nguồn tin hiện có, tổ chức hoạt động xây dựng nguồn tin KHCN nội sinh và sưu tập chọn lọc các thông tin KHCN thiết thực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Trong các năm qua, nhiều hoạt động nghiên cứu KHCN ở địa phương đã được tiến hành, các đề tài được quản lý khá chặt chẽ từ khâu xác định nhiệm vụ đến nghiệm thu kết quả, nhiều kết quả đề tài được đánh giá tốt, tuy nhiên việc áp dụng vào thực tế vẫn còn hạn chế. Một trong các nguyên nhân quan trọng là việc thông tin về chúng đến với người sản xuất kinh doanh còn hạn chế. Do vậy thời gian tới, thông tin KHCN cho doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân cần được đẩy mạnh. Các biện pháp

chính cần thiết là phải nắm được nhu cầu thông tin ở địa phương, có một cơ chế tiếp cận thông tin thuận lợi hơn, tăng cường hơn số lượng thông tin KHCN phục vụ sản xuất kinh doanh, xây dựng chuyên mục hỗ trợ doanh nghiệp trên các ấn phẩm thông tin KHCN, tăng cường quảng bá hoạt động thông tin KHCN, tổ chức các điểm cung cấp thông tin KHCN phục vụ nông nghiệp và nông thôn đến cấp xã; xây dựng thư viện điện tử; tổ chức việc tra cứu patten, tra cứu tiêu chuẩn...

Để phát huy tốt nhất các nguồn tin KHCN đã, đang và sẽ được đầu tư phục vụ cho yêu

cầu phát triển ở địa phương nhất thiết phải tổ chức được việc chia sẻ thông tin. Việc thực hiện chia sẻ thông tin đã được Sở KHCN thực hiện với Trung tâm thông tin KHCN quốc gia trong nhiều năm, tuy nhiên việc chia sẻ thông tin KHCN ngay tại địa phương mới có ý nghĩa lớn. Việc tạo ra một cơ chế phù hợp khả dĩ liên kết và chia sẻ thông tin theo hướng do nhiều thành phần đầu tư, nhiều tổ chức thực hiện, vừa đảm bảo lợi ích chung vừa đảm bảo lợi ích riêng của từng thành viên là rất quan trọng.

Tổ chức xây dựng nguồn thông tin KHCN, một nhiệm vụ không thể thiếu được trong hoạt động thông tin KHCN của địa phương. Mục tiêu cần nhắm vào là xây dựng nguồn tin nội sinh trên cơ sở các hoạt động KHCN địa phương, đồng thời là việc sưu tập chọn lọc các thông tin KHCN thiết thực nhất từ tất cả các nguồn có thể, để phục vụ cho phát triển đặc thù của địa phương. Xây dựng nguồn tin không chỉ đóng gói trong phạm vi các cơ quan có hoạt động thông tin KHCN chuyên trách, mà cần thiết có một cơ chế thích hợp huy động các nguồn lực từ tất cả các tổ chức, đặc biệt là cơ quan quản lý chuyên ngành hoặc cơ quan nghiên cứu chuyển giao KHCN của địa phương.

Tập trung giải quyết được các vấn đề chính đã nêu trên có thể thúc đẩy hơn nữa hoạt động thông tin KHCN ở địa phương. Đồng thời qua đó cũng phát huy vai trò quan trọng của thông tin KHCN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhất là trong điều kiện hội nhập. Đây cũng là một biện pháp hỗ trợ hữu hiệu cho doanh nghiệp, mà lại hoàn toàn phù hợp với các quy định phải thực hiện, khi ta đã là thành viên chính thức của WTO. ■

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG VIỆC HỖ TRỢ KINH TẾ TẬP THỂ

NGUYỄN TRUNG DŨNG

Liên minh Hợp tác xã và Doanh nghiệp ngoài quốc doanh Lâm Đồng

Liên minh Hợp tác xã và Doanh nghiệp ngoài quốc doanh (HTX DNNQD) tỉnh Lâm Đồng có 180 đơn vị thành viên, trong đó HTX có 115 đơn vị, doanh nghiệp ngoài quốc doanh có 65 đơn vị, riêng HTX nông nghiệp có 49 đơn vị, chiếm 42,6% trong tổng số HTX. Phần lớn các HTX nông nghiệp hoạt động chủ yếu là các loại hình dịch vụ, có một số ít HTX sản xuất và dịch vụ nhưng chưa phát huy được lợi thế trong sản xuất kinh doanh là do:

+ Trình độ quản lý còn yếu kém, chưa được đào tạo qua các trường lớp, đa số phát triển từ kinh nghiệm;

+ Tay nghề của lao động đang hoạt động kinh tế chưa qua đào tạo chiếm 80,6% (khu vực thành thị chiếm 60,5%, khu vực nông thôn chiếm 91,8%), trình độ văn hóa của người lao động thấp chiếm tỷ lệ lớn trên 70%;

+ Tổ chức sản xuất của các hộ xã viên và HTX còn manh mún, trình độ canh tác còn lạc hậu, hao phí lao động cho một đơn vị sản phẩm cao, dẫn đến chất lượng, năng suất thấp, giá thành sản phẩm cao, không đủ sức cạnh tranh trong nền kinh tế hội nhập.

Vì vậy phát triển hàng hóa trong sản xuất nông nghiệp hiện nay là con đường cơ bản để phát triển kinh tế hộ xã viên, kinh tế tập thể trong những năm tới. Do đó nhu cầu về khoa học, công nghệ là vấn đề hết sức cấp thiết để áp dụng vào sản xuất nhằm thúc đẩy hộ xã viên, cán bộ quản lý điều hành của HTX đổi mới tư duy trong sản xuất, khắc phục những tồn tại và yếu kém, xóa bỏ phương thức canh tác cũ, tiến tới sản xuất hàng hóa chất lượng cao. Áp dụng tiến bộ KHKT và công nghệ để nâng cao chất lượng hàng hóa, giảm giá thành sản phẩm, đủ sức cạnh tranh trong nền kinh tế hội nhập trong nước và thị trường thế giới.

Hầu hết các HTX trong giai đoạn hiện nay còn thiếu đội ngũ cán bộ KHKT, thiếu thông tin, thiếu sự phối hợp hướng dẫn đồng bộ giữa các

ngành và các đoàn thể trong tuyên truyền, triển khai quán triệt các chủ trương chính sách, chế độ của Đảng - Nhà nước về khoa học và công nghệ. Chưa đầu tư thỏa đáng vào công tác cải tiến kỹ thuật, áp dụng quy trình công nghệ tiên tiến một cách toàn diện trong các khâu như định hướng mục tiêu, chương trình, kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị và phát triển ngành nghề để hỗ trợ thúc đẩy nghiên cứu, thử nghiệm áp dụng vào thực tiễn.

Tuy nhiên, công cuộc đổi mới đã có những bước chuyển biến cực kỳ quan trọng, trong đó các HTX, các doanh nghiệp đã và đang tiếp cận và áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đã tạo được nhiều loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao phát triển khá nhanh, khá vững chắc, người sản xuất có tích lũy tạo ra động lực xóa được đói, giảm được nghèo, tiến tới làm giàu. Nhưng phần lớn nông dân, các HTX chưa chú trọng áp dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật vào sản xuất đại trà, đồng bộ trên diện rộng; mà thường sản xuất còn manh mún chưa tạo ra được vùng chuyên canh để áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa vào sản xuất. Do vậy, sản phẩm hàng hóa nông sản chưa đảm bảo đầy đủ về tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng mẫu mã chưa phù hợp với thị trường trong và ngoài nước. Mặt khác các cơ quan, các ngành quản lý chức năng chưa thực sự tác động đồng bộ và kịp thời thúc đẩy ứng dụng công nghệ, khoa học, kỹ thuật tiên tiến. Do vậy, một số hộ nông dân canh tác vẫn dựa vào kinh nghiệm là chính, sự liên kết hợp tác giữa các khâu của sản xuất và kinh doanh, giữa các tổ chức kinh tế còn quá nhiều bất cập, yếu kém.

Từ các thực tế trên, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương về các chương trình mục tiêu tạo bước đột phá trợ giúp cho các HTX, hộ xã viên tìm và thử nghiệm hướng đi trong sản xuất - kinh doanh trong nghiên cứu thay đổi giống mới, cải tiến công nghệ, tăng cường liên kết liên doanh giữa "4 nhà" trong đó Nhà nước và nhà

khoa học chiếm vị trí hết sức quan trọng.

Trong những năm qua công tác ứng dụng khoa học và công nghệ luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm đối với kinh tế tập thể. Tại Nghị định 88/2005/NĐ-CP ngày 17/7/2005 của Chính phủ nêu rõ một số chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển HTX trong đó hỗ trợ về nâng cao năng lực, tiếp thu và ứng dụng quy trình công nghệ cao, khuyến khích việc áp dụng công nghệ sinh học trong sản xuất nông, lâm nghiệp và được hưởng lợi từ các chương trình dự án như chính sách khuyến nông, khuyến ngư và khuyến công... Ở tỉnh ta thời gian qua đã có nhiều hoạt động hỗ trợ về khoa học, công nghệ cho các hợp tác xã, cụ thể như:

+ Sở KH-CN&MT tỉnh đã chuyển giao thành công cho 3 HTX Phước Thành, Thanh Nghĩa và Xuân Hương áp dụng quy trình trồng và sản xuất rau sạch theo hướng công nghệ cao.

+ Chuyển giao thành công công nghệ bảo quản sau thu hoạch cho các HTX Lạc Thành, Hiệp Nguyên, Bắc Ninh...

+ Về công nghệ thông tin: Liên minh HTX đã thiết lập mạng cục bộ, nối mạng Internet và xây dựng website tuyên truyền hoạt động của các HTX, doanh nghiệp thành viên, thông tin hoạt động của Liên minh HTX tỉnh, các hoạt động về khoa học, công nghệ, khai thác và xử lý thông tin phục vụ ngành và các doanh nghiệp thành viên, cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước.

Chương trình hỗ trợ về khoa học và công nghệ đã được các xã viên, HTX phấn khởi tiếp nhận đã và đang áp dụng đạt hiệu quả trong sản xuất kinh doanh. Sản phẩm hàng hóa, một số mặt hàng đã đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu và tiêu thụ tại các siêu thị trong nước. Việc áp dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất đã làm kinh tế tập thể chuyển biến mạnh. Tuy nhiên, số lượng các dự án hỗ trợ cho kinh tế tập thể vẫn còn rất khiêm tốn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế so với 180 đơn vị thành viên của Liên minh HTX&DNNQD, trong tổng số 956 doanh nghiệp vừa và nhỏ của toàn tỉnh, đây là một vấn đề cần hết sức quan tâm để tạo điều kiện phát triển cho kinh tế tập thể nói riêng và doanh nghiệp vừa và nhỏ nói chung.

Trong bối cảnh nước ta đã là thành viên của tổ chức thương mại thế giới (VTO), cần thiết phải đổi mới quy trình công nghệ máy móc thiết bị trong bảo quản, chế biến nông sản, nhằm phát huy cao độ các tiềm năng, thế mạnh sẵn có của kinh tế tập thể theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.

Đối với kinh tế tập thể, ngày 16/5/2006 UBND tỉnh đã có quyết định số 27/2006/QĐ-UBND phê

duyet kế hoạch phát triển kinh tế tập thể 5 năm 2006-2010. Quyết định đã chỉ rõ cần tập trung xây dựng các chương trình dự án nghiên cứu thị trường, nông sản, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu sản phẩm, chuyển giao quy trình sản xuất rau, hoa công nghệ cao cho các HTX. Mặt khác gắn phát triển kinh tế tập thể với các chương trình kinh tế - xã hội địa phương như: chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ... Với chương trình mục tiêu trên UBND tỉnh cũng đã phê duyệt kế hoạch hỗ trợ kinh tế tập thể bình quân từ 8 đến 10 tỷ đồng/năm.

Để đạt được những yêu cầu trên các ngành, các cấp, chính quyền cần có các giải pháp để xây dựng phát triển HTX nhiều hơn nữa, đầu tư và ưu tiên cho các chương trình giáo dục đào tạo nông dân và các nhà quản lý kinh tế tập thể, nhất là kiến thức và kỹ năng phù hợp với yêu cầu toàn cầu hóa. Đầu tư mạnh cho nghiên cứu khoa học về giống cây trồng vật nuôi, ứng dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật trong sản xuất để giảm giá thành sản phẩm nông sản. Ứng dụng công nghệ sau thu hoạch và đầu tư phát triển thị trường nông sản. Để làm được điều này cần phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương, cần phải có sự liên kết giữa các viện nghiên cứu, các trường đại học và các doanh nghiệp, đồng thời xây dựng chiến lược sản xuất nông sản chất lượng cao theo từng vùng, gắn liền kế hoạch chuyển giao khoa học, kỹ thuật cho người nông dân. Đầu tư phát triển các đề tài khoa học, công nghệ đã nghiên cứu thành công vào sản xuất, triển khai áp dụng vào sản xuất đại trà tạo ra vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa. Từ đó đầu tư phát triển các nhà máy chế biến và áp dụng công nghệ sau thu hoạch, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm đủ sức cạnh tranh trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Tóm lại có thể nhận thấy công nghệ sản xuất nói chung hiện nay đang có khoảng cách khá lớn so với yêu cầu phát triển, do đó yêu cầu hỗ trợ về KH-CN cho các HTX, doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hộ xã viên là một nhu cầu cấp bách. Qua đó, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm phù hợp với cơ chế thị trường, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Việc liên kết giữa "4 nhà" là hết sức cần thiết, trong đó nhà khoa học đóng vai trò hết sức quan trọng. Mặt khác các HTX, doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ xã viên cần có sự liên doanh, liên kết, trao đổi hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau trong ứng dụng tiến bộ KHKT, quy trình công nghệ tiên tiến vào sản xuất kinh doanh, nhằm góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu chương trình kinh tế của tỉnh và xây dựng quê hương Lâm Đồng ngày càng giàu đẹp. ■

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ CỦA LÂM ĐỒNG TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP

TRƯƠNG NGỌC LÝ

Giám đốc Sở Lao động Thương binh Xã hội Lâm Đồng

Nguồn nhân lực là một trong các yếu tố quan trọng nhất để thực hiện chủ trương đột phá, tăng tốc của tỉnh, trong đó chất lượng của lực lượng lao động được đào tạo nghề có vai trò cực kỳ quan trọng. Ban biên tập xin giới thiệu bài viết về vấn đề đào tạo nghề của tỉnh trong giai đoạn hiện nay.

Lâm Đồng hiện có 633.000 lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế; trong đó, lao động nông nghiệp chiếm tỷ lệ 61%, công nghiệp – xây dựng chiếm 13,5% và dịch vụ chiếm 25,5%. Từ năm 2000 đến nay, mỗi năm, Lâm Đồng đã tạo thêm việc làm mới cho khoảng từ 22.500 đến 25.000 lao động. Thông qua công tác đào tạo nghề, chất lượng nguồn lao động của tỉnh được cải thiện ngày càng tốt hơn: năm 2001, có 13,8% lao động qua đào tạo (qua đào tạo nghề là 6,9%); năm 2006, tỷ lệ trên là 23,5% và 12,5%. Hiện nay, toàn tỉnh có 22 cơ sở dạy nghề, trong đó có Trường Kỹ thuật Đà Lạt trực thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (LĐTBXH) Lâm Đồng, là một trong 15 trường trọng điểm của cả nước, được đầu tư xây dựng với quy mô lớn, trang thiết bị dạy nghề hiện đại từ nguồn vốn vay ADB với tổng vốn đầu tư là 78 tỷ đồng (ADB: 47,6 tỷ; ngân sách tỉnh: 11,77 tỷ). Hàng năm, các đơn vị này thu hút trên 4.000 học viên theo học ở 20 nghề khác nhau. Ngoài ra, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất – dịch vụ nhận đào tạo theo hình thức kèm cặp, truyền nghề cho khoảng 2.500 lao động/năm. Công tác xã hội hóa lĩnh vực dạy nghề trong những năm qua đạt kết quả khá tốt; trong 22 cơ sở đào tạo nghề nêu trên, đã có 12 trung tâm, cơ sở dạy nghề tư thực, dân lập đảm nhận gần 68% nhu cầu học nghề ngắn hạn. Đây là một xu hướng phát triển theo đúng chủ trương xã hội hoá của Bộ LĐTBXH và của tỉnh.

Để có được những kết quả đáng khích lệ đó, đi đôi với việc phát triển mạng lưới dạy nghề; ngành LĐTBXH đã tích cực đề xuất với tỉnh các chính sách hỗ trợ học nghề cho lao động xã hội.

Năm 2000, Lâm Đồng có chính sách hỗ trợ cho 6 đối tượng: người ở các xã đặc biệt khó khăn (theo Chương trình 135); đồng bào dân tộc gốc địa phương; người thuộc hộ nghèo; bộ đội xuất ngũ chưa có việc làm; người tàn tật, mồ côi không nơi nương tựa; con em gia đình chính sách. Từ năm 2000 đến nay, đã có 6.100 lao động được hỗ trợ học nghề với tổng kinh phí là 2,5 tỷ đồng. Chính sách này đã góp phần phát triển ngành nghề ở các vùng nông thôn, tạo cơ hội cho con em ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc được học nghề, giới thiệu việc làm. Đây là một trong những biện pháp tích cực trong chương trình giảm nghèo của tỉnh (có 81% đối tượng được hỗ trợ học nghề là người thuộc hộ nghèo, các hộ ở các xã đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc...). Năm 2004, Lâm Đồng tiếp tục có chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp, HTX đào tạo nghề cho công nhân. Các chính sách đó thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng bộ và chính quyền tỉnh trong sự nghiệp nâng cao chất lượng nguồn lao động, đẩy mạnh xã hội hóa công tác dạy nghề, khai thác năng lực đào tạo của các cơ sở dạy nghề cũng như các doanh nghiệp, khuyến khích phát triển ngành nghề truyền thống của địa phương, đặc biệt là vùng nông thôn; hình thành mô hình dạy nghề lưu động ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc.

Tuy nhiên công tác đào tạo nghề ở Lâm Đồng trong những năm qua cũng còn bộc lộ một số hạn chế cần khắc phục. Trước hết chất lượng, số lượng đào tạo còn thấp so với yêu cầu, một mặt chưa tiếp cận được với trình độ tiên tiến của khu vực. Mặt khác, người học nghề sau khi tốt nghiệp còn hạn chế về năng lực tư duy sáng tạo,

kỹ năng thực hành, khả năng thích ứng với thực tiễn, tính tổ chức và kỷ luật lao động, khả năng tìm và tự tạo việc làm của người lao động sau khi học nghề còn thấp trong khi nhu cầu sử dụng lao động có trình độ ở các cơ sở sản xuất kinh doanh còn lớn. Công tác đào tạo nghề cũng chưa đáp ứng kịp thời và đầy đủ yêu cầu về nhân lực của vùng sâu, vùng xa, vùng nông thôn và một số ngành nghề truyền thống. Toàn tỉnh, hàng năm có 3.000-4.000 học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học thi đậu vào các trường cao đẳng, đại học; đồng thời có xấp xỉ 10.000 học sinh không thi đậu nhưng chỉ có 5,3% trong số này đăng ký học nghề dài hạn ở các trường nghề của tỉnh.

Về khách quan, do đội ngũ giáo viên dạy nghề còn thiếu về số lượng, chất lượng chưa cao, chưa phù hợp với quy mô, yêu cầu đào tạo. Hệ thống các trung tâm dạy nghề, cơ sở đào tạo còn tập trung ở thành phố, thị xã, chưa có sự ưu tiên đúng mức đến các vùng trọng điểm, vùng sâu, vùng xa, vùng còn nhiều khó khăn. Chương trình, giáo trình, phương pháp giảng dạy chậm được đổi mới, còn nặng về lý thuyết, chưa chú trọng đến năng lực sáng tạo, thực hành và hướng nghiệp, chưa gắn kết thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội với nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, khả năng thu hút học sinh còn thấp. Sự nhận thức chưa toàn diện và sâu sắc của xã hội đối với sự nghiệp dạy nghề. Một số người đã hình thành quan niệm là phải cho con cái học đại học, cao đẳng bằng mọi giá, mặc dù sau khi tốt nghiệp rất khó tìm được việc làm, đa số phải làm việc trái với chuyên ngành được đào tạo; trong khi nhu cầu lao động có nghề để cung ứng cho các ngành công nghiệp dịch vụ đang còn rất thiếu.

Nguyên nhân chủ quan của những tồn tại, bất cập kể trên là do trình độ quản lý và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chưa theo kịp với thực tiễn và nhu cầu phát triển của địa phương. Trong nhiều năm qua, đào tạo nghề chưa được quan tâm đầu tư đúng mức, các chính sách khuyến khích phát triển mạng lưới dạy nghề còn hạn chế.

Tình hình trên đây đòi hỏi phải có bước đột phá về phát triển dạy nghề, nhất là các ngành nghề phục vụ cho các chương trình kinh tế trọng tâm của tỉnh về phát triển nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ du lịch, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp... trên cơ sở phát huy tối đa nguồn lực lao động của địa phương.

Để đạt 25% lao động qua đào tạo nghề vào năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ VIII thì trong giai đoạn 2007-2010 cần đào tạo nghề cho 100.000 người, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và cạnh tranh về việc làm trong thời kỳ hội nhập kinh tế; các giải pháp cụ thể được xác định là:

- Duy trì phát triển hệ thống dạy nghề ngoài công lập, đa dạng hoá hình thức đào tạo.

- Tạo điều kiện cho thanh niên nông thôn, thanh niên dân tộc thiểu số... được học nghề phù hợp để tìm việc làm, góp phần phát triển ngành nghề nông thôn.

- Từng bước nâng chất lượng đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu thị trường lao động ngày càng cao.

Trước hết tập trung đầu tư xây dựng các trường, trung tâm, cơ sở dạy nghề công lập ở từng cụm huyện đủ mạnh để dạy nghề phục vụ nông nghiệp nông thôn, cung cấp lao động lành nghề cho các ngành kinh tế. Ngoài các trường, cơ sở dạy nghề công lập, cần đẩy mạnh xã hội hóa trên cơ sở khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia vào sự nghiệp dạy nghề. Việc thu hút đầu tư vào lĩnh vực đào tạo nghề cần vận dụng linh hoạt với nhiều hình thức: vốn của chủ đầu tư hoặc ngân sách tỉnh đầu tư một phần, tỉ lệ còn lại là các cá nhân và doanh nghiệp đóng góp... Tỉnh cần có cơ chế, chính sách thông thoáng để kêu gọi các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh, kể cả nước ngoài đầu tư xây dựng trường nghề, trường cao đẳng kỹ thuật đào tạo trình độ cao, đặc biệt là các ngành nghề mà Lâm Đồng có lợi thế (du lịch, công nghệ thông tin, nông nghiệp, điện tử...).

Tiếp tục đề xuất các chủ trương hỗ trợ, khuyến khích để thu hút học viên học nghề, mở rộng đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ học nghề theo hướng toàn bộ thanh niên nông thôn, thanh niên dân tộc theo học các nghề phục vụ nông nghiệp nông thôn (chăn nuôi, trồng trọt, cơ khí, điện công nghiệp,...) đều được học nghề miễn phí theo tinh thần chỉ đạo của tỉnh. Có biện pháp đưa các cơ sở đào tạo nghề về các vùng nông thôn để phục vụ thiết thực cho quá trình chuyển đổi cơ cấu lao động phù hợp với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông thôn theo chủ trương của Đảng và Nhà nước; đồng thời góp phần thực hiện tốt các chương trình kinh tế - xã hội trọng tâm của tỉnh.

Năm 2007 và những năm tiếp theo, ngành LĐTBXH tỉnh Lâm Đồng xác định quyết tâm thực hiện tốt các mục tiêu, giải pháp cơ bản nêu trên của chiến lược phát triển nguồn nhân lực trên lĩnh vực đào tạo nghề đến năm 2010, xem đây là một nhiệm vụ trọng tâm của ngành, nhằm phục vụ cho nhu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đồng thời thực hiện có hiệu quả các mục tiêu xoá đói, giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân địa phương, góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ hội nhập của tỉnh. ■

CÔNG NGHỆ CẦN BÁN

CÔNG NGHỆ BẢO QUẢN RAU QUẢ, TRÁI CÂY TƯƠI BẰNG CHẾ PHẨM SINH HỌC TỪ CHITOSAN, KHÔNG ĐỘC HẠI

Tên công nghệ: Công nghệ bảo quản rau quả, trái cây tươi bằng chế phẩm sinh học từ chitosan, không độc hại

Đặc điểm:

- Tương đối đơn giản, đầu tư không nhiều
- Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm
- Thích hợp cho việc sản xuất công nghiệp

Xuất xứ: Việt Nam

Lĩnh vực áp dụng:

Công nghệ thực phẩm
Các thông số kỹ thuật:

Tuỳ theo quy mô sản xuất của khách hàng yêu cầu

Mô tả tóm tắt:

Từ nguyên liệu chitosan chế tạo ra chế phẩm sinh học để tạo màng trên trái cây, rau quả; công nghệ bảo quản trái cây tươi từ khâu thu hái đến khi bán sản phẩm ra thị trường.

Công nghệ được áp dụng:

- Bảo quản trái cây tươi
- Bảo quản rau tươi
- Bảo quản hoa tươi
- Bảo quản thực phẩm tươi sống (cá, thịt, trứng,...)

Phương thức chuyển giao:

- Bán trực tiếp
- Thông qua đại lý

Đơn vị cung cấp thiết bị: POLIDUOCVHOAHN

Tên đơn vị: Phòng nghiên cứu Polyme dược phẩm - Viện Hoá học

Địa chỉ: 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04 8364525 **Fax:** 04 8364525

Email: ngoctu@ich.ncst.ac.vn

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT VẬT LIỆU SIÊU TRƯỞNG NƯỚC ỨNG DỤNG TRONG NÔNG NGHIỆP

Tên công nghệ:

Công nghệ sản xuất vật liệu siêu trương nước ứng dụng trong nông nghiệp

Xuất xứ: Việt Nam

Lĩnh vực áp dụng:

Canh tác nông nghiệp

Sản xuất nông phẩm sạch, nông nghiệp công nghệ cao

Mô tả tóm tắt:

Hỗ hoá tinh bột (nhiệt độ 80-90); Khuấy trộn monome - tác nhân gia cường; Chiếu xạ copolyme hoá ghép tạo gel; Chiết tách loại homopolyme và phần không phản ứng; Thủy phân chuyển hoá nhóm chức, làm gia tăng mức độ trương; Loại nước, sấy khô - nghiền tạo dạng sản phẩm; Đóng gói

Năng suất: 5 tấn/tháng

Các thông số kỹ thuật: Sản phẩm dạng hạt, độ trương nước >200g/g

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Tiêu chuẩn đạt được: Tiêu chuẩn Việt Nam

Phương thức chuyển giao: Theo thoả thuận của khách hàng

Thời gian bảo hành: Liên hệ trực tiếp

Địa chỉ liên hệ:

PHÒNG CÔNG NGHỆ BỨC XẠ

Viện Nghiên cứu Hạt nhân Đà Lạt

Số 01 Nguyễn Tử Lục, Đà Lạt, Lâm Đồng

Điện thoại: 063 831350 **Fax:** 063 821107

Người liên hệ: Nguyễn Thanh Bình - Phó Viện trưởng





NĂM HỢI NÓI CHUYỆN LỢN

DS. NGUYỄN THỌ BIÊN

Lợn (heo) là gia súc quen thuộc đối với mọi người. Lợn được dùng làm thực phẩm phổ biến cho con người. Tuy nhiên, có những điều về loài gia súc này mà nhiều người trong chúng ta chưa biết. Nhân dịp năm mới Đinh Hợi sắp đến, xin giới thiệu một số công dụng của thịt lợn cũng như những kỷ lục về con lợn để mọi người cùng tham khảo.

LỢN TRÊN THẾ GIỚI

Họ Lợn - Suidae - thuộc động vật Móng guộc chẵn. Lợn có nhiều loài.

Các loài lợn:

Lợn Lòì Phi (*Phacochaerus aethiopicus*) là loại khác lạ nhất so với lợn rừng, thường cao 0,70m, dài 1,5m. Chúng có bộ lông xám, có những mấu lồi như những mụn cóc trên đầu và những nanh lớn, đồng thời có bờm dài từ trên đầu xuống suốt dọc lưng. Chúng sống ở Nam Sahara, gần nơi có nước, trong các cánh đồng trống trải hoặc những nơi có rừng.

Lợn rừng (*Sus scrofa*) có 21 loài phụ sống ở châu Âu, Bắc Á và châu Phi. Lợn rừng Âu (*Sus scrofa scrofa*) sống trong rừng có những vùng cây bụi rộng ở vùng Tây Âu, Trung và Nam Âu. Con lợn rừng già có thể dài đến 1,70m, cao 0,90m và nặng từ 200 đến 300kg. Lông lợn rừng ngả từ màu nâu đen sang xám vàng nhạt. Lợn rừng là loài ăn tạp, có cặp răng nanh phát triển. Răng nanh dưới mọc dài lồi ra ngoài và uốn cong lên trên từ 8-10cm. Nanh hàm trên cũng mọc dài ra ngoài và luôn mài vào nanh dưới, rất sắc. Ở nước ta, lợn rừng thường gặp ở các tỉnh thuộc trung du, miền núi và ven biển, gặp nhiều ở các tỉnh thuộc Tây Bắc, Tây Nguyên.

Lợn nhà còn gọi là heo (*Sus scrofa do mesticus Brisson*) có nguồn gốc từ lợn rừng, phân bố từ Đông Á, Nam Á sang Tây Âu, được nuôi từ hậu kỳ đồ đá mới khoảng 2000 năm trước Công nguyên. Lợn nuôi vẫn tồn tại những đặc điểm sinh học

chung như: thị giác kém, thính giác nhạy, khứu giác tinh mặc dầu đã trải qua quá trình thuần dưỡng và gây giống lâu đời. Ở nước ta, lợn cũng có nhiều giống: lợn đồng bằng, lợn Mường, lợn vùng trung du. Hiện nay, trong nước có nhập nhiều giống lợn của nước ngoài vào, cũng có vài loài lai tạo với lợn nội địa. Lợn nuôi chủ yếu để cung cấp thực phẩm, sản phẩm nghiên cứu trong y học và còn được dùng làm thuốc.

LỢN DÙNG LÀM THUỐC

Trong các sách *Nam dược thần hiệu* của Tuệ Tĩnh, *Lĩnh nam bản thảo* của Hải Thượng Lãn Ông đều có ghi lại tác dụng chữa bệnh của các bộ phận trong cơ thể lợn. Hiện nay, có bộ phận đã được nghiên cứu ứng dụng để chữa bệnh và trong nhân dân có nhiều nơi dùng làm thuốc.

1. **Thịt lợn** (trư nhục): vị mặn, ngọt, tính bình có tác dụng tư âm, nhuận táo, dùng nấu ăn để bồi dưỡng, chữa tiêu khát, gầy còm, chữa phù thũng, giải nhiệt độc, ho khan, đái rắt.

2. **Mật lợn** (trư đờm): vị đắng, tính mát, có tác dụng thanh nhiệt, giải độc, lợi mật, chống ho, tiêu nhọt độc, thông tiểu tiện. Mật lợn có chứa các muối của acid glycocholic và taurocholic, cholesterol, lexitin và một số sắc tố mật như bilirubin. Mật lợn có tác dụng ức chế tụ cầu trùng vàng, phẩy khuẩn tả, làm tan phế cầu, trung hoà một số độc tố vi khuẩn bạch hầu, uốn ván. Mật lợn thường được dùng chữa ho gà, đau mắt đỏ, táo bón do thiếu mật, hoàng đản do túi mật, kết sỏi trong mật, đau dạ dày... Ngày dùng 0,5-2g mật cô đặc. Có thể chế thành dạng siro hay viên.

3. **Móng giò lợn** (trư đề): vị ngọt mặn, tính bình, có tác dụng bổ huyết, thông sữa dùng cho phụ nữ khi sinh đẻ ít sữa. Nhân dân thường dùng chân giò lợn và móng nấu cháo với gạo nếp để ăn.

4. **Óc lợn** (trư não): vị ngọt mặn, tính hàn, luộc ăn dùng trị đau đầu chóng mặt, trừ mụn nhọt nhưng hơi độc không nên ăn nhiều.

5. **Tim lợn** (trư tâm): vị ngọt mặn, tính bình, có tác dụng bổ huyết, trấn kinh. Trị kinh giãn hay kinh sợ. Cách nấu: thường cho chu sa 0,5g vào trong quả tim lợn hấp chín ăn. Trị chứng thiếu máu thì thái nhỏ để nấu ăn.

6. **Bầu dục lợn** (trư thập): vị mặn, tính hàn không độc, có tác dụng bổ thận, thông lợi bàng quang, dùng trị thận hư, đau lưng, di tinh, đổ mồ hôi trộm, người già tai ù. Dùng nấu ăn.

7. **Dạ dày lợn** (trư đở): vị ngọt, tính ấm, không độc, có tác dụng kiện tỳ vị, chữa nóng âm ỉ, được dùng bồi bổ dạ dày, chữa tiêu khát, tiểu tiện nhiều lần, tích máu cục... Nấu ăn hay tán nhỏ làm viên hoàn.

8. **Gan lợn** (trư can): vị ngọt, tính ấm có tác dụng bổ gan, sáng mắt, được dùng chữa bệnh quáng gà, mắt đỏ, thiếu máu. Người ta thường nấu gan lợn với lá dâu non để ăn hoặc sắc uống, làm viên hoàn.

9. **Hòn đá lợn** (trư cao hoàn): vị ngọt, tính ấm không độc. Thường dùng luộc ăn chữa đau ngọc hành, trừ phong, đau bụng dưới.

10. **Bong bóng lợn** (trư phao): vị ngọt, tính bình, dùng nấu ăn trị đái rất, đái buốt, mộng tinh, chữa chứng đái sừng đau. Có nơi nhân dân dùng bong bóng lợn cùng với gạo nếp, lá đinh lăng nấu nhừ làm thuốc tăng tiết sữa.

11. **Mỡ lợn** (trư chi cao): vị ngọt, tính mát, có tác dụng nhuận táo, giải độc. Dùng trong rán mỡ ăn. Dùng ngoài lấy mỡ rán bôi trị nứt nẻ da, chữa bỏng lửa.

12. **Tủy lợn** (trư tủy): vị ngọt, tính hàn, có tác dụng bổ âm, ích tủy. Nấu ăn chữa chứng hư lao, tiêu khát hoặc dùng ngoài da bôi chữa người bị thương, chứng sùng loét.

13. **Tiết lợn** (trư huyết): vị mặn, tính bình, luộc ăn dùng trị chức đau đầu choáng váng, xốn xáo trong bụng.

14. **Tụy lợn** (trư di): vị ngọt, tính bình, hơi độc, có tác dụng bổ tỳ, ích khí, chữa bệnh phổi, hư hao, suyễn, ho. Dùng luộc ăn hay sắc nước uống.

15. **Ruột non** (trư trường): vị đắng ngọt, tính bình, không độc, có tác dụng bổ tâm, thanh nhiệt, nấu chín ăn. ■

VÌ SAO NGƯỜI HỒI GIÁO KIÊNG ĂN THỊT LỢN

NGỌC ANH

Các tôn giáo trên thế giới có sự kiêng ăn thịt một số động vật, như tín đồ Phật giáo kiêng ăn tất cả các loài động vật vì không thể phạm tội sát sinh. Tín đồ đạo Hindu kiêng ăn thịt bò, xuất phát từ tín ngưỡng "totem" là có nghĩa vụ nuôi dưỡng và kính thờ loài bò. Còn tín đồ theo đạo Hồi giáo (Islam) thì kiêng ăn thịt lợn.

Tập tục kiêng ăn thịt lợn của tín đồ Hồi giáo bắt đầu bằng một truyền thuyết: Trước khi tạo ra loài người và vạn vật, Thánh Ala đã tạo ra nhân vật Nobi Adam nhưng chưa ban phát linh hồn. Thấy vậy, bọn quỷ rất lo sợ, vì một khi Thượng đế cho Adam nhập linh hồn đầy đủ thì bọn chúng sẽ mất quyền uy. Thừa lúc Adam đang ngủ, chúng rủ nhau phóng uế lên người ông với mục đích làm nhục, khiến ông phải xấu hổ, khổ sở. Khi thức dậy, thấy toàn thân mình bị phủ đầy những đồ hôi hám, Adam liền tâu với Thượng đế và ngài đã sai thiên thần đem nước từ thiên đàng rửa sạch thân thể Adam. Các chất dơ bẩn được tẩy ra từ trên cơ thể Adam lập tức biến thành một con lợn và một con chó. Từ đó, Adam có lời thề: "Lợn và chó là kẻ thù của ta và cả con cháu mai sau".

Từ truyền thuyết này về sau trở thành một tín điều của Hồi giáo, khiến cho tất cả những gì liên quan đến con lợn đều bị cấm kỵ, không được nuôi, không được chuyên chở trong cộng đồng và nhất là không ăn thịt lợn. Thậm chí cũng phải kiêng ăn những động vật bị chết và mả, huyết của động vật nói chung.

Thực ra thì mọi thần thoại và truyền thuyết đều đã được thăng hoa từ hiện thực. Theo đó, có thể hình dung là trên bước đường truyền giáo qua các bộ lạc du mục, du cư, rất có thể đáng tiên tri Môhamet đã từng được đặt chân đến một vùng có dịch gia súc hoành hành nên lợn và chó đều mắc bệnh và chết hàng loạt. Với kiến thức y học, giáo chủ ý thức được rằng việc ăn thịt hoặc tiếp tục nuôi các con vật này sẽ dẫn đến hậu quả lây lan và bệnh tật cực kỳ nghiêm trọng và cũng có thể những tai họa đó đã xảy ra rồi. Vì vậy, truyền thuyết về sự ô uế của thịt lợn và chó chính là để khuyến cáo các tín đồ tránh xa.

NHỮNG KỶ LỤC VỀ LỢN

HỒNG HẠNH

* Con lợn vô địch cuộc thi Olympic

Mới đây, Hiệp hội chăn nuôi gia súc của Nga đứng ra tổ chức cuộc thi Olympic lần thứ 3 cho lợn tại thủ đô Matxcova. Tham gia cuộc thi có 12 con lợn màu trắng, đen và khoang thi tài ở giải đấu thường niên ngộ nghĩnh này. Trong đó có 6 con lợn của Nga và 6 con khác đến từ Canada, Pháp, Latvia, Ucraina, Nam Phi và Trung Quốc. Nội dung cuộc thi Olympic gồm các môn như chạy, bơi lội, đá bóng - thực ra là cuộc thi đẩy bóng da vào lưới. Giống như các cuộc thi quốc tế, các đấu sĩ đều có huấn luyện viên đi cùng, được giới thiệu với quốc kỳ nước mình và một bản nhạc dân tộc thay thế quốc ca. Kết quả, con lợn có tên Antoinette của Canada đã giành chiến thắng ở cả 3 vòng thi đấu.

* Con lợn nặng nhất

Ở thị trấn Lâm Hưng, Hợp Xuyên, Tứ Xuyên (Trung Quốc), nhà ông Lý Tất Tri có nuôi một con lợn đực giống to bằng con trâu, có tên là Ba Nhĩ, được ông Lý mua từ năm 2002, lúc ấy chỉ khoảng 30kg. Đến nay, con lợn này nặng hơn 800kg, thân dài 2,5m, vòng bụng 2,1m, lưng rộng 70cm, 2 dịch hoàn như 2 quả bóng đá. Mỗi ngày con lợn này ăn 2 bữa, mỗi bữa 5kg gạo nấu cơm, 5 quả trứng gà, 1kg thức ăn gia súc,

tốn khoảng 20 tệ (tương đương 40.000VNĐ). Trong hơn 3 năm qua, Ba Nhĩ đã “gây” được hơn 20.000 con cháu, nên dân địa phương gọi là “bố lợn”, đem lại cho ông Lý hơn 20.000 tệ. Công ty Thực phẩm gia súc Nam Sung (Tứ Xuyên) đã ra giá 120.000 tệ (khoảng 240 triệu đồng) để mua con lợn này làm mẫu quảng cáo cho thức ăn gia súc của công ty.

* Con lợn nhỏ nhất

Giống lợn Sóc (Tây Nguyên): Khi đẻ lứa đầu lợn chỉ nặng 18-20kg. Mỗi lứa giống lợn này chỉ đẻ từ 5-6 con.

* Giống lợn đẻ sai nhất

Giống lợn Thái Hồ (Trung Quốc), lợn nái đẻ một lứa tới 32 con. Nhiều nước tiên tiến trên thế giới nhập về để lai tạo nhằm nâng cao khả năng sinh sản của lợn nước mình.

* Giống lợn có nhiều đôi xương sườn nhất

Giống lợn Landrace của Đan Mạch có 16 đôi xương sườn, trong khi các giống lợn khác chỉ có 13-14 đôi.

* Những con lợn giá hàng triệu đô la

Dự án cấy ghép bộ phận cơ thể giữa các loài (xenxo-transplantation) đang được thực hiện ở trang trại Revivacor được sự tài trợ của Trung tâm Y khoa - Đại học Pittsburgh, Pennsylvania - UPMC (Mỹ). Tại đây, đã có những đàn lợn được hiệu chỉnh di truyền, có giá hàng triệu đô la. AND của chúng đã được hiệu chỉnh với những gen chuyên biệt hoá nên không có loại “đường alpha - 1 - galactose” vốn làm cho cơ thể người luôn từ chối các mô và cơ quan của chúng. David Ayares, chủ trang trại và là giám đốc Công ty Công nghệ sinh học Revivacor nói: “Cơ thể người mang các kháng thể đặc biệt, sẽ nhanh chóng nhận ra loại đường này và sẽ có phản ứng loại thải chỉ trong vài phút. Vì vậy, gen này đã được hiệu chỉnh và sẽ có những



sửa đổi ở các gen có chức năng tạo ra đường khác ở các đàn lợn tiếp theo. Một ngày không xa, các bộ phận cơ thể chúng sẽ an toàn cho việc cấy ghép vào cơ thể người". Trong các thí nghiệm của UPMC, những trái tim lợn biến đổi di truyền đã tiến triển tốt trong khoảng 3 tháng sau khi cấy ghép trên khỉ đầu chó và một số có tuổi thọ hơn. Từ năm 2004, các thí nghiệm cấy ghép thận lợn trên khỉ ở UPMC do bác sĩ Massimo Trucco đứng đầu đã gặt hái được những thành công nhất định. Các nhà nghiên cứu ở đây đang có kế hoạch cấy ghép tim lợn cho bệnh nhân bị suy tim nặng để thay thế máy bơm cơ khí. Cơ quan Quản lý thuốc và thực phẩm Mỹ (FDA) dự định sẽ có những thí nghiệm lâm sàng trên người trong vòng một vài năm tới.

* Lợn phát quang

Đầu năm 2006, các nhà khoa học Đài Loan công bố đã nhân giống được 3 con lợn có thể phát quang trong bóng tối. Chúng có thể phát ra màu xanh lá cây từ đầu đến đuôi, từ trong ra ngoài, kể cả nội tạng như tim, gan, phổi,... Theo nhóm nghiên cứu, cơ thể lợn phát quang hoàn toàn bình thường. Các nhà khoa học đã dùng AND lấy từ sữa và cấy vào 265 phôi thai của 8 con lợn khác; 4 con lợn trong số này đang mang thai và 3 chú lợn quang phát quang đã ra đời. Các nhà khoa học cho biết số lợn phát quang dùng để nghiên cứu về bệnh ở người, bởi vì di thể của lợn màu xanh lá cây, nên rất dễ nhận dạng ra chúng. Do đó, nếu một vài tế bào gốc của các con lợn này được tiêm vào các động vật khác, thì các nhà khoa học có thể theo dõi tế bào ấy mà không cần phải thử nghiệm. Các nhà khoa học Đài Loan hy vọng sẽ nhân giống được 3 con lợn đực màu xanh này với các con lợn bình thường khác để tạo ra 1 giống lợn mới. Và như thế sẽ có thêm nhiều lợn phát quang sử dụng cho mục đích y - sinh học mới.

* Lợn biến đổi gen có khả năng chữa bệnh ung thư

Viện M. Genbio và trường Đại học Chungnam của Hàn Quốc đã hợp tác nghiên cứu và phát triển thành công giống lợn biến đổi gen có thể sản xuất protein có khả năng chống lại bệnh ung thư. Đây là lần đầu tiên các nhà khoa học nhân bản lợn có thể sản xuất chất có chứa các nhân tố GMCSF. Nhân tố này được cho là có khả năng chữa trị các bệnh nhân bị bệnh máu trắng và thiếu máu hoặc những người bệnh có lượng tế bào bạch cầu thấp trong quá trình điều trị bệnh ung thư. ■

VIỆT NAM VÀO WTO

MỘNG SINH

Lại thấy bùng lên sắc dã quỳ
Thay mùa mưa bão đã ra đi
Trời xanh như thể chưa từng có
Và nắng ươm vàng hơn mọi khi!

Vui gặp hồng tươi nét mặt người
Âm lòng nghe tiếng trẻ reo cười
Đất nước chuyển mình theo vận hội
Vững vàng vào cuộc của sân chơi!

Dời bỏ thuyền nan lên tàu lớn
Người Việt Nam giờ ra đại dương
Không chờ sóng yên cùng biển lặng
Chấp nhận gian nan những dặm đường!

Hơn bao giờ hết cần hiệp sức
Trên dưới cùng lo một cơ đồ
Dân giàu, nước mạnh trong xã hội
Công bằng, nhân ái với tự do!

Chào Việt Nam vào WTO!
Xin viết tặng người mấy vần thơ
Trên đỉnh vinh quang đang ngóng đợi
Năm cánh vàng sao một ngọn cờ!

Đà Lạt, 08.11.2006



XÂY DỰNG MÔ HÌNH SẢN XUẤT HOA THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP TẠI ĐÀ LẠT

Ths. VÕ KHIẾM

Glám đốc Trung tâm Ứng dụng KHCN và Tin học Lâm Đồng

Đà Lạt là thành phố cao nguyên có điều kiện tự nhiên và khí hậu rất thích hợp cho việc sản xuất rau, hoa, quả ôn đới.

Nghề trồng hoa tại Đà Lạt được hình thành khá sớm (1938), và từ đó đến nay đã phát triển nhiều cả về quy mô canh tác lẫn sản lượng hoa. Trong những năm gần đây, việc ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất, đặc biệt là kỹ thuật nuôi cấy mô đã góp phần nuôi dưỡng và phát triển nhiều giống hoa có màu sắc đa dạng, phong phú, chất lượng sản phẩm hoa ngày càng được nâng cao, đáp ứng tốt hơn cho nhu cầu thị trường. Hiện nay, hoa Đà Lạt không chỉ cung cấp cho thị trường trong nước mà còn xuất khẩu cho các thị trường trong khu vực và châu Âu.

Tuy nhiên, bên cạnh đó ngành sản xuất hoa Đà Lạt còn có những hạn chế như chưa có quy trình công nghệ sản xuất cây giống hoa được xác lập để có thể áp dụng thống nhất cho từng chủng loại hoa; việc quản lý cây giống chưa đảm bảo cho yêu cầu sản xuất hoa quy mô lớn. Ngoài ra chưa gắn kết được sản xuất với khoa học, công nghệ cũng như việc khai thác thị trường còn yếu. Công nghệ xử lý, bảo quản và đóng gói hoa cắt cành hầu như rất ít được quan tâm, dẫn đến chất lượng hoa thường không đảm bảo, khó đáp ứng sự đòi hỏi ngày càng cao hơn của thị trường trong và ngoài nước.

Trước xu thế hội nhập kinh tế thế giới, việc phát triển ngành sản xuất hoa ở thành phố Đà Lạt với quy mô công nghiệp là một yêu cầu cần thiết nhằm phát huy lợi thế tiềm năng của thành phố, góp phần xây dựng Đà Lạt thành trung tâm hoa của cả nước.

Nhận rõ tầm quan trọng của việc phát triển ngành sản xuất hoa Đà Lạt với việc phát triển

kinh tế - xã hội của địa phương, Bộ Khoa học và Công nghệ cùng với Ủy ban nhân dân tỉnh đã đồng ý cho việc đầu tư lập dự án "Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ trong sản xuất hoa tại Đà Lạt, Lâm Đồng". Dự án đang được Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ và Tin học tỉnh Lâm Đồng triển khai xây dựng và sẽ thực hiện trong 3 năm (2007-2009).

Mục tiêu của dự án sẽ nhằm tổ chức lại sản xuất, thay thế dần tập quán sản xuất truyền thống, từng bước hình thành vùng sản xuất hoa theo hướng công nghiệp, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong tất cả các khâu từ sản xuất đến kinh doanh với 3 loại hoa chủ lực của Đà Lạt là địa lan, hoa hồng và hoa cúc. Từ đó nâng cao chất lượng, mở rộng và tạo lập thị trường tiêu thụ hoa Đà Lạt theo hướng ổn định và ngày càng phát triển.

Để đạt được những mục tiêu trên, Dự án sẽ sử dụng các phòng cấy mô có đủ trang thiết bị và kinh nghiệm sản xuất cây giống trên địa bàn tỉnh tiến hành xây dựng mô hình nhân giống các giống địa lan, hoa hồng và hoa cúc với quy trình kỹ thuật nuôi cấy in-vitro và quy trình kỹ thuật ghép, nhân giống đạt tiêu chuẩn, sạch bệnh.



Đồng thời sẽ xây dựng mạng lưới sản xuất cây giống sạch bệnh, chất lượng cao đáp ứng cho việc sản xuất đại trà đạt chất lượng, phù hợp nhu cầu sản xuất, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong và ngoài nước.

Bên cạnh đó, dự án cũng sẽ xây dựng những mô hình nông hộ sản xuất hoa công nghiệp. Các mô hình này sẽ được tổ chức thành từng nhóm nông dân hoặc hợp tác xã, có sự tham gia của cơ sở, doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ hoa chất lượng cao, theo hướng công nghiệp. Những nông hộ hoặc tổ chức tham gia phải đáp ứng đủ các yêu cầu của dự án đề ra như có kinh nghiệm sản xuất (hoặc sinh doanh) hoa địa lan, hoa cúc, hoa hồng; có khả năng tiếp thu và áp dụng có hiệu quả các quy trình công nghệ và phải có cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho sản xuất như nhà kính, nhà lưới, hệ thống tưới,...). Ngoài ra dự án sẽ tổ chức cho các nhóm hộ, cơ sở sản xuất xây dựng nhãn hiệu hàng hoá, tham gia các hội chợ, triển lãm, tiếp cận thị trường để tiêu thụ sản phẩm.

Một trong những công việc quan trọng mà dự án phải thực hiện là đào tạo và chuyển giao kỹ thuật cho người làm trực tiếp. Dự án sẽ tiến hành đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật tham gia thực hiện các nội dung, mô hình của dự án: đào tạo cán bộ kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật các giống hoa của dự án; cán bộ kỹ thuật chăm sóc cây giống hoa giai đoạn sau ống nghiệm và kỹ thuật trồng, thu hoạch, bảo quản các giống hoa trên. Đồng thời sẽ tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho các hộ nông dân trực tiếp tham gia xây dựng các mô hình với các quy trình:

- Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và bảo quản hoa sau thu hoạch;

Hoạt động Khoa học - Công nghệ

- Lắp đặt, vận hành hệ thống nhà lưới, nhà kính cho từng đối tượng hoa;
- Lắp đặt, sử dụng các hệ thống tưới hiện đại, tưới tiết kiệm;
- Tiêu chuẩn và chất lượng cây giống, hoa thương phẩm.

Qua đó sẽ xây dựng và hình thành nên một thương hiệu hoa Đà Lạt được thị trường trong và ngoài nước chấp nhận. Thông qua việc xây dựng website về hoa Đà Lạt để tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá về hoa Đà Lạt rộng rãi.

Việc triển khai *Dự án Xây dựng mô hình sản xuất hoa theo hướng công nghiệp* là phù hợp với định hướng phát triển ngành sản xuất hoa của Đà Lạt, và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Lâm Đồng. Thông qua dự án sẽ chuyển giao kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất, đa dạng các loại sản phẩm hoa với chất lượng cao; nâng cao trình độ kỹ thuật thâm canh hoa cho người nông dân, đào tạo nguồn nhân lực để tiếp cận với công nghệ nhân giống và sản xuất hoa tiên tiến, nâng cao năng lực tổ chức quản lý sản xuất, kinh doanh.

Với quy trình sản xuất tiên tiến gắn với kỹ thuật cao trong các khâu thu hoạch, đóng gói và bảo quản hoa sẽ làm cho năng suất và chất lượng hoa đồng đều, nâng cao hiệu quả kinh tế ngành trồng hoa của Đà Lạt, góp phần nâng cao thu nhập của người nông dân thành phố Đà Lạt. Không những thế, một khi ngành sản xuất hoa phát triển sẽ kéo theo là sự phát triển của ngành du lịch và các dịch vụ khác của địa phương. Thông qua dự án này sẽ tiếp tục chuyển giao, áp dụng công nghệ cao về sản xuất hoa ở quy mô rộng hơn cho Đà Lạt và các vùng phụ cận. ■



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TỈNH LÂM ĐỒNG TRƯỚC THÊM ĐẠI HỘI LẦN THỨ III

NGUYỄN THIẾT GIÁP

Phó Chủ tịch Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Lâm Đồng

Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Lâm Đồng (Liên hiệp hội) được thành lập ngày 5/10/1994, đến nay đã được 12 năm. Sắp tới, Đại hội đại biểu Liên hiệp hội được tổ chức vào quý I/2007 sẽ đánh giá về những kết quả đạt được và những việc còn chưa làm được để xây dựng chương trình hoạt động thiết thực cho nhiệm kỳ mới. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi xin nêu một số ý kiến nhận xét về sự phát triển của tổ chức và những đóng góp của Liên hiệp hội thực hiện chủ trương xã hội hóa hoạt động khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo.

Sự phát triển của tổ chức Liên hiệp hội

Khi mới thành lập Liên hiệp hội có 5 hội viên, đây là những hội có quá trình hoạt động lâu năm và có mặt ở hầu hết các tỉnh, thành trong cả nước: Hội Luật gia, Hội Y dược, Hội Đông y, Hội Kế hoạch hóa gia đình và Hội Tâm lý giáo dục. Đến nay Liên hiệp hội đã có 15 hội chuyên ngành với trên 7.000 hội viên, chiếm 1/2 lực lượng trí thức khoa học - công nghệ (KH-CN) của tỉnh.

Để tăng cường khả năng đoàn kết, tập hợp rộng rãi đội ngũ trí thức KH-CN, Liên hiệp hội đã mời các cơ quan giảng dạy, nghiên cứu, thực nghiệm và quản lý khoa học tham gia với tư cách là hội viên tập thể của Liên hiệp hội.

Liên hiệp hội đã thí điểm thành lập Hội Khoa học và Kỹ thuật huyện Đức Trọng và tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ ở một số huyện khác. Cách làm này mở ra khả năng phát triển tổ chức đến các huyện, thị trong tỉnh, để tăng cường hoạt động phổ biến kiến thức, triển khai ứng dụng tiến bộ KH-CN vào phục vụ đời sống.

Tuyên truyền phổ biến kiến thức

Việc tuyên truyền phổ biến kiến thức rộng

rãi trong nhân dân được Liên hiệp hội thực hiện thông qua các hội thành viên có hệ thống tổ chức đến các huyện, thị và cơ sở xã, phường. Những kiến thức pháp luật được hướng dẫn cụ thể để nhân dân hiểu biết và thực hiện bao gồm các bộ luật liên quan thiết thực đến đời sống nhân dân như Bộ Luật dân sự, Luật Hình sự, Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Đất đai sửa đổi; các bộ luật thuộc lĩnh vực KH-CN như Luật Bảo vệ môi trường; Luật Khoa học và Công nghệ; Luật Sở hữu trí tuệ v.v... Những kiến thức khoa học được phổ biến bao gồm kiến thức về sử dụng nước sạch, về vệ sinh phòng bệnh, truyền thông về dân số và kế hoạch hóa gia đình, về bảo vệ thiên nhiên và môi trường đảm bảo cho sự phát triển bền vững. Hướng dẫn nông dân ứng dụng những giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao phù hợp với từng địa bàn, thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi, đặc biệt là đối với các loại dịch bệnh đã có ở địa phương như dịch cúm gia cầm, dịch lở mồm long móng.

Hoạt động tuyên truyền phổ biến kiến thức của Liên hiệp hội đã góp phần nâng cao dân trí, tham gia có hiệu quả vào cuộc vận động xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư.

Triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật

Liên hiệp hội là cơ quan thường trực của Hội thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật của tỉnh. Hội thi được phát động liên tục từ năm 2002 đến nay. Năm 2006, tổng kết hội thi lần thứ hai đã trao 9 giải thưởng cho các giải pháp xuất sắc, có khả năng phổ biến ứng dụng rộng rãi. Ban tổ chức đã tặng thưởng cho 3 tác giả của địa phương đạt giải trong các cuộc thi do Trung ương tổ chức.

Đối với các dự án đưa tiến bộ khoa học, kỹ thuật phát triển kinh tế hộ gia đình vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Liên hiệp hội phối hợp với các Trung tâm nông nghiệp huyện cử cán bộ khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y tham gia, kết hợp với việc đào tạo mạng lưới cộng tác viên tại chỗ trực tiếp thực hiện. Do vậy các dự án được thực hiện đạt kết quả tốt, có khả năng duy trì và phát huy hiệu quả sau khi kết thúc dự án.

Liên hiệp hội phối hợp với Sở KH-CN hỗ trợ xã Lộc Lâm trong nhiều năm liền từ việc thực hiện các chương trình, dự án phát triển sản xuất đến xây dựng nhà tình thương, cấp học bổng cho các học sinh giỏi của xã. Năm học 2006, Liên hiệp hội được Hội đồng Trung ương hỗ trợ 70 triệu đồng để thực hiện cải tạo thâm canh vườn chè, cà phê và trồng mây dưới tán rừng. Liên hiệp hội phối hợp với Viện KH-CN phía Nam thí điểm thành công trồng giống nho Pháp tại thị xã Bảo Lộc. Kết quả này là cơ sở để xây dựng dự án trồng nho làm nguyên liệu sản xuất rượu vang.

Tham gia thực hiện xã hội hoá hoạt động giáo dục - đào tạo

Liên hiệp hội đã thành lập Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học hoạt động đạt hiệu quả tốt, mỗi năm đào tạo từ 5 - 6 nghìn lượt học viên. Tiếp đó Liên hiệp hội đã bảo trợ cho việc thành lập và hoạt động của Trường Đại học dân lập Yersin Đà Lạt. Nhà trường đã chính thức đi vào hoạt động được 3 năm, có cơ sở vật chất khá khang trang phục vụ cho gần 3.000 sinh viên theo học các ngành kinh tế - kỹ thuật phục vụ cho yêu cầu của tỉnh và của khu vực.

Liên hiệp hội xây dựng được quỹ học bổng hàng năm cấp từ 4 - 5 triệu đồng cho học sinh là con em của đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng có nhiều khó khăn.

Hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội

Các thành viên của Liên hiệp hội được mời tham gia hội đồng khoa học của tỉnh làm nhiệm vụ tư vấn cho việc tuyển chọn các chương trình dự án nghiên cứu khoa học được thực hiện hàng năm.

Thực hiện Quyết định số 22/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Thường trực Liên hiệp hội đã trình UBND tỉnh ban hành Quy định về hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp hội. Căn cứ quy định của UBND tỉnh, Liên hiệp hội đã thành lập Trung tâm Tư vấn, phản biện và giám định xã hội để thực hiện nhiệm vụ quan trọng này. Hiện nay Trung tâm Tư vấn của Liên hiệp hội đang khẩn trương chuẩn bị cơ sở vật chất kỹ thuật và đội ngũ chuyên gia để thực hiện tư vấn, phản biện và giám định cho các chương trình khoa học - công nghệ và kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm 2007.

Qua 12 năm xây dựng, phát triển tổ chức và hoạt động, Liên hiệp hội đã tập hợp đoàn kết được đông đảo đội ngũ trí thức KH-CN của tỉnh. Trên cơ sở đó Liên hiệp hội đã tổ chức thực hiện được nhiệm vụ xã hội hóa hoạt động KH-CN và giáo dục - đào tạo, góp phần tích cực thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. ■



Trao giải Hội thi sáng tạo KH-CN Lâm Đồng lần thứ 2 (2004-2005)

CHẾ PHẨM PROBIOTICS VÀ SỨC KHỎE

PHAN - BỔN

Phân Viện Vắc xin Đà Lạt

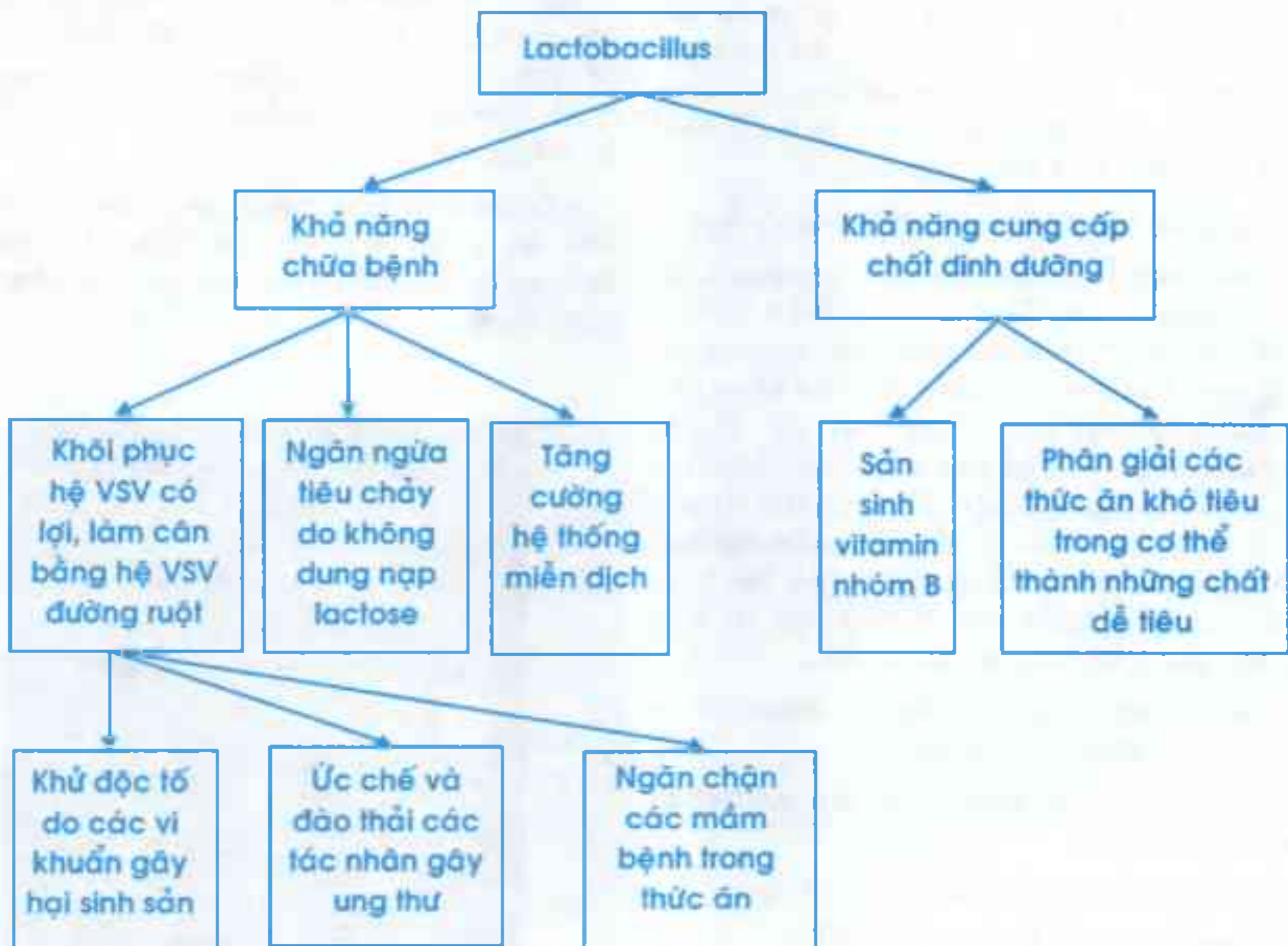
Hậu quả của sự nhiễm trùng; điều trị kháng sinh; dinh dưỡng kém; dùng rượu; căng thẳng... đã làm giảm số vi khuẩn có lợi, trong khi đó lại tạo môi trường thích hợp cho vi khuẩn gây bệnh phát triển dẫn đến rối loạn sự cân bằng vi sinh vật ở đường ruột và gây ra táo bón; đầy hơi hay ỉa chảy. Các chế phẩm probiotics có thể giải quyết được vấn đề này. Vậy chế phẩm probiotics là gì?

Probiotics là những chất bổ sung chứa các

vi sinh vật (VSV) có lợi cho sức khỏe, không gây phản ứng phụ cho người sử dụng. Những loài thuộc chi *Lactobacillus* đã được sử dụng làm chế phẩm như:

L. sporogenes, *L. acidophilus*, *L. plantarum*, *L. casei*, *L. brevis*, *L. delbrückii*, *L. lactic*, *L. kefir*, *L. helveticus*, *L. bulgaricus*...

Trong cơ thể người vi khuẩn *Lactobacillus* thể hiện tác động cụ thể như sau:



- Chi *Lactobacillus* ngăn cản sự phát triển của các vi khuẩn gây bệnh bằng cách sản sinh acid lactic, acid béo, lactoperoxidase, các kháng sinh và các dẫn xuất khác. Chúng có khả năng ngăn cản sự phát triển của *Staphylococcus*, *Shigella*, *Klebsiella*, *Proteus*, *Pseudomonas*, *Salmonella* và các chủng *E.coli* gây bệnh.

- Chi *Lactobacillus* có trong đường tiêu hóa có thể tăng cường quá trình tiêu hóa thức ăn bằng cách sản sinh ra các vitamin nhóm B, các enzyme phân giải protein, lipid, tinh bột và chuyển hóa đường thành acid lactic, ngăn ngừa chứng tiêu chảy do không dung nạp lactose từ sữa.

- Lactobacillus có khả năng ức chế hoạt động của các vi khuẩn sinh enzyme chuyển các chất tiền ung thư thành các chất gây ung thư và phân hủy nitrosamine, đồng thời ức chế sự phát triển của tế bào ung thư. Trong các loài thuộc chi Lactobacillus thì *L. acidophilus* có khả năng tác động mạnh nhất.

- Lactobacillus có khả năng kích thích hoạt động của hệ miễn dịch như: tăng cường khả năng nhận diện các chất lạ của tế bào lympho B, kích thích sự nhạy cảm của IgA, IgG, IgM và thúc đẩy tác động của γ -interferon, hỗ trợ bạch cầu chống lại các mầm bệnh.

- Hạ thấp nguy cơ dị ứng với các sản phẩm từ sữa, hen suyễn và các phản ứng da như eczema.

- Làm giảm cholesterol trong máu, giảm 10-12% nguy cơ bệnh tim.

CÁC ỨNG DỤNG VI KHUẨN THUỘC CHI LACTOBACILLUS

Vi khuẩn Lactobacillus đã được biết đến từ lâu và đã được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực như sản xuất các loại sinh phẩm phục vụ sức khỏe con người cũng như trong chăn nuôi gia súc, gia cầm và chế biến thực phẩm. Ngoài ra Lactobacillus còn dùng vào việc sản xuất acid lactic trong sản xuất công nghiệp.

1. Ứng dụng trong sản xuất chế phẩm y học

Việc sử dụng Lactobacillus vào việc sản xuất các chế phẩm y học đã được thực hiện từ lâu, nhờ những đặc tính quan trọng và có ý nghĩa đối với sức khỏe con người mà các nhà khoa học xem chúng là một loại thuốc thần kỳ. Trong cuốn *Tác dụng kỳ diệu của men Lactobacillus* của tác giả *Đông Nguyên Tập* người Trung Quốc đã nêu ra nhiều ví dụ về tác dụng của việc sử dụng Lactobacillus như chống lão hóa, ức chế sự phát triển của vi sinh vật có hại, tăng khả năng đề kháng của cơ thể...

Một số các chế phẩm y học sử dụng các vi sinh vật bán trên thị trường như:

- Lactomin plus do Hàn Quốc sản xuất chứa 3 loại vi khuẩn là:

- + Lactobacillus acidophilus 10^8 CFU/g.
- + Bifidobacterium longum 10^8 CFU/g.
- + Streptococcus faecalis 10^8 CFU/g.

Được bao gói dạng viên nang bảo đảm tránh tác dụng của dịch vị dạ dày. Dùng để điều trị các bệnh về tiêu hóa, tăng cường khả năng đề kháng của cơ thể, bảo vệ và duy trì hệ thống men tiêu hóa của đường ruột.

- Chế phẩm Biolac do Viện Vắcxin và Sinh phẩm y tế Nha Trang sản xuất chứa 3 loại vi khuẩn Lactobacillus là:

- + *L. sporogenes* 10^8 CFU/g.
- + *L. acidophilus* 10^8 CFU/g.
- + *L. kefir* 10^8 CFU/g.

Dạng bột, đóng trong bao kềm. Dùng trong điều trị các bệnh về rối loạn tiêu hóa, giúp cân bằng hệ vi sinh vật đường ruột, chống táo bón, đầy hơi, viêm đại tràng mãn.

2. Ứng dụng trong chế biến thực phẩm

- Lactobacillus được sử dụng nhiều trong công nghiệp chế biến thực phẩm, đặc biệt là công nghiệp chế biến các sản phẩm từ sữa. Lactobacillus được sử dụng trong lên men các loại sữa chua như: Yagout, sữa chua kefir... rất có lợi cho tiêu hóa, giúp mịn da, tăng cường đề kháng của cơ thể.

- Ngoài ra Lactobacillus còn được sử dụng trong sản xuất các loại phô mát, trong các quá trình lên men tạo chế phẩm Lactatcanxi - sữa - vitamin B12 dùng làm thuốc bổ cho trẻ em thông qua quá trình lên men lactic có bổ sung CaCO_3 và vitamin B12. Trong quá trình này sử dụng hai loài là *L. acidophilus* và *L. bulgaricus*.

- Trong dân gian người ta thường khai thác khả năng lên men của Lactobacillus vào việc làm chua các loại rau, củ, quả để làm chua thức ăn. ■



ABC ĐÀ LẠT

NGUYỄN HỮU TRANH

YERSIN

* Tên một con đường dài 2,6km, lộ giới 14m và 20m, từ đường Trần Quốc Toản đến đường Nguyễn Đình Chiểu ở phường 9 và phường 10, được đổi tên từ năm 1993.

* **Tên đường cũ** : Albert Sarraut (toàn quyền), Thống Nhất.

* **Đặc điểm** : Dọc đường có nhà Thủy Tạ, Trung tâm Văn hoá Lễ hội Du lịch Lâm Đồng, Trung tâm Văn hoá – Thông tin Lâm Đồng, quảng trường (sân vận động), công viên Yersin, khách sạn Du lịch Công đoàn, Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt, Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt, Trường Tiểu học Hùng Vương, Trường Mầm Non 10,...

* Tên một công viên.

Công viên Yersin tọa lạc cạnh quảng trường (sân vận động) thành phố Đà Lạt, được khánh thành năm 2003 nhân dịp kỷ niệm 110 năm Đà Lạt hình thành và phát triển.

* Tên một trường trung học dạy theo chương trình Pháp (nay là Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt).

Trường Grand Lycée nằm trên một ngọn đồi cao 1.500,7m nhìn xuống hồ Xuân Hương, được khởi công xây dựng từ năm 1929.

Ngày 28-6-1935, trường Grand Lycée đổi tên thành trường Lycée Yersin. Trước năm 1975, trường chuyển thành Trung tâm Giáo dục Hùng Vương. Sau năm 1975 được mang tên Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt.

Toà nhà chính của trường cao 4 tầng uốn theo một đường cung tròn, mềm mại. Những vật liệu đặc biệt đã được sử dụng: tường xây bằng gạch thẻ, mái lợp bằng ardoise nhập từ Pháp.

Hiệp hội Kiến trúc Quốc tế (UIA) đã công nhận Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt là một trong số 1.000 công trình kiến trúc tiêu biểu của thế giới trong thế kỷ XX.



Ngày 28-12-2001, Bộ Văn hoá – Thông tin đã công nhận Trường Cao đẳng Sư phạm là Di tích Kiến trúc Quốc gia.

Địa chỉ: 29 Yersin.

* Tên một trường đại học dân lập.

Trường Đại học dân lập Yersin Đà Lạt được thành lập ngày 1-10-2004.

Mục tiêu chung của nhà trường là đào tạo kỹ sư, cử nhân các ngành kinh tế, khoa học, công nghệ, một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác, góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực có trình độ cao cho sự nghiệp phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Lâm Đồng, Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và miền Đông Nam Bộ.



Các ngành đào tạo trình độ đại học năm 2006 gồm có: công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, khoa học môi trường, kiến trúc, quy hoạch đô thị, kỹ thuật công nghiệp, quản trị kinh doanh, tiếng Anh.

Ngoài ra, trường còn thành lập thêm Trường Trung học phổ thông dân lập Yersin Đà Lạt, tổ chức các lớp luyện thi vào đại học và đào tạo bậc trung cấp chuyên nghiệp.

Trong năm học 2006-2007 trường có trên 2.000 sinh viên, học sinh.

Cơ sở 1: 1 Tôn Thất Tùng.

Cơ sở 2: 15A Đinh Tiên Hoàng.

Website: www.yersin.edu.vn



* Alexandre John Emile Yersin sinh ngày 22-9-1893 tại Lavaux, tổng Vaud, Thụy Sĩ.

Năm 1883, ông học ngành y tại Lausanne (Thụy Sĩ), sau đó tiếp tục học tại Marbourg (Đức) và tốt nghiệp Đại học

Paris (Pháp).

Từ năm 1886, ông làm việc tại Viện Pasteur Paris và cộng tác với bác sĩ Roux nghiên cứu bệnh bạch hầu.

Năm 1890, ông được chuyển trở lại quốc tịch Pháp.

Năm 1891, ông bất ngờ tạm thời rời bỏ ngành vi trùng học, sống đời thủy thủ và nhà thám hiểm, mở đầu một quãng đời khác kéo dài 50 năm.

Ngày 21-6-1893, ông đến thác Prenn và sau đó, đặt chân lên cao nguyên Lang Biang. Ngày 19-7-1897, ông viết thư gửi Toàn quyền Paul Doumer giới thiệu cao nguyên Lang Biang để thành lập nơi nghỉ dưỡng (sanatorium).

Năm 1894, ông đến Hồng Kông và tìm ra vi trùng bệnh dịch hạch mang tên Yersin (*Yersinia Pestis*).

Năm 1895, ông thành lập Viện Pasteur ở Nha Trang và khai phá vùng Suối Dầu,

thành lập một trại chăn nuôi để nuôi ngựa dùng cho việc điều chế huyết thanh và trồng thử nghiệm cây cao su, canh-ki-na,...

Ông nhậm chức Viện trưởng hai viện Pasteur ở Sài Gòn và Nha Trang.

Năm 1902, ông là Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Đông Dương.

Tháng 7 năm 1923, ông mang những cây canh-ki-na tốt nhất ở Hòn Bà mang lên trồng ở Dran và thu được kết quả tốt. Ông tiếp tục trồng trên cao nguyên Lang Biang nhỏ (xã Xuân Thọ) và Di Linh.

Năm 1924, ông giữ chức Tổng thanh tra các viện Pasteur ở Đông Dương.

Năm 1933, ông là Viện trưởng danh dự Viện Pasteur Paris.

Ngày 28-6-1935, ông lên Đà Lạt dự lễ khánh thành Trường Trung học Yersin.

Trong thời gian sống ở Xóm Cồn (Nha Trang), ông là một người hàng xóm đôn hậu, thường giúp đỡ những cụ già và những người chài lưới, thương yêu trẻ con, ông sống rất giản dị, giàu lòng nhân ái.

Ông mất ngày 1-3-1943 và an táng ở Suối Dầu.

YÊN THẾ

* Tên một con đường dài 350m, lộ giới: 16m, từ đường Hùng Vương đến Bảo tàng Lâm Đồng ở phường 10, được đổi tên từ năm 1976.

* **Tên đường cũ** : Rue des Saigonais (đường người Sài Gòn), Tả quân Duyệt.

* **Đặc điểm** : Dọc đường có Nhà Sáng tác Văn học - Nghệ thuật, Chi cục Kiểm lâm,...

* Yên Thế là một vùng nằm ở hữu ngạn sông Thương, nay thuộc huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Với địa thế núi non hiểm trở, thuận tiện cho chiến tranh du kích, Yên Thế đã được dùng làm căn cứ của nghĩa quân.

Từ Yên Thế có thể thông sang Thái Nguyên, Tam Đảo, Bắc Sơn và toả ra khắp vùng đồng bằng, trung du.

Từ thế kỷ XIX, nhiều nhóm nông dân khởi nghĩa chống lại triều đình nhà Nguyễn đã hoạt động ở Yên Thế.

Từ năm 1885 đến năm 1887, hưởng ứng phong trào Cần Vương, nông dân Yên Thế

đã nổi dậy chống thực dân Pháp.

Người chỉ huy đầu tiên nghĩa quân Yên Thế là Lương Văn Năm (thường gọi là Đề Năm). Năm 1892, Đề Năm mất, quyền lãnh đạo nghĩa quân thuộc về Hoàng Hoa Thám (tức Đề Thám).

Hàng năm, tại xã Phồn Xương, lễ hội Yên Thế diễn ra vào ngày 10 tháng 3 âm lịch nhằm tưởng nhớ đến lãnh tụ nông dân Hoàng Hoa Thám.

YẾT KIÊU

* Tên một con đường dài 500m, lộ giới: 16m, từ đường Trần Bình Trọng đến đường Hàn Thuyên ở phường 5, được đổi tên từ năm 1953.

* **Tên đường cũ** : Henri Maitre (nhà dân tộc học).

* **Đặc điểm** : Đường vắng, nhiều biệt thự.

* Yết Kiêu người làng Hạ Bì, huyện Gia Phúc (nay thuộc huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương).

Nhà nghèo, ông phải sống bằng nghề mò trai bắt cá, lấy tiền đóng gạo. Ông có tài bơi lội và lặn sâu dưới đáy nước như đi trên cạn. Ông và bạn là Dã Tượng được Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn vời đến, cho làm gia tướng và rất mực tin yêu.

Tháng 2 năm 1285, quân Nguyên sang xâm

lược nước ta. Trước tình hình nguy khốn, Yết Kiêu vẫn giữ thuyền đợi Trần Quốc Tuấn ở bến Bãi, không rời bỏ vị trí chiến đấu khi chưa có lệnh và đưa Trần Quốc Tuấn an toàn về Vạn Kiếp, thoát khỏi kỳ binh giặc.

Cảm kích trước tinh thần kỷ luật và lòng trung nghĩa của Yết Kiêu, Trần Quốc Tuấn đã nói: "*Ôi, chim hồng hộc có thể bay cao được tất phải nhờ vào 6 trụ xương cánh. Nếu không có thì cũng như chim thường thôi!*", đề cao vai trò quan trọng của quần chúng trong sự nghiệp lớn của dân tộc.

Trong thời kỳ kháng chiến chống quân Nguyên, Yết Kiêu đã lập được một đội thủy binh cảm tử, giỏi nghề bơi lội, đêm đêm chuyên mò vào thủy trại, đục thuyền giặc.

TU LIỆU THAM KHẢO

Trần Quốc Vượng, Nguyễn Thân, Nguyễn Tú Chi. *Nghìn xưa văn hiến*. Kim Đồng, Hà Nội, 2003.

Non nước Việt Nam. Tổng cục Du lịch, Hà Nội, 1999.

Trường Đại học dân lập Yersin Đà Lạt. 2006.

Jacotot, Henri. *Le Docteur Alexandre Yersin*. Bulletin de la Société des Études Indochinoises, 1944, N° 1.

Le savant Yersin, un illustre humaniste. Association des admirateurs d'Alexandre Yersin, Khánh Hoà, 2000.



Công viên Yersin Đà Lạt

NHỮNG CÂU NÓI THÔNG DỤNG TIẾNG CƠ HO

K'NHIẾU

Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng

1. Mho (mang) do, bớh rào bi lốt?
2. An lốt bớ-coài.
3. Kớnhai tus sớndán nchi bi loh?
4. An loh broã bẽ ớs.
5. Drim do trồ tiah niãm ngan !
6. Mho do di gớ lan lah ở trồ mùu dờng ngan yớ !
7. An mpin mho do trồ ở mùu.
8. Phan nguí sa hiu nhấ bi tu do mbẽ gớloh teh ?
9. Pal sa đau, kờn pas jak bẽ cau tì he ở geh.
10. Lớh srã yal deh kờn.
11. Lớh srã yal chớh.
12. An sớn kớu mớng bi.
13. Bi geh ởs mớng lớh broã do.
14. Do lah phan sớn kớu bớ drờm an.
15. Wờl bi guh gừng niãm sã.
16. Wờl bi lớh broã sa tớng-guh bớ-tàu.
17. Bi kờn cau lớ (pớ) ?
18. An lah kờn cau K'ho (Yuan, Prum, Rode, Mả,...)
19. Hiu bi geh nờ đờ nã oh nờ, oh nao ?
20. Hiu an geh poan nã oh nao: bớ nã bi mớ dùl nã oh klau.
21. Hiu nhấ bi gam nờ nã ?
22. Hiu nhấ an gam bớ nã cau: an mớ mớ an.
23. Mớ bi neh nờ sớnam do ?
24. Nchi gam loh ?
25. Bi (lớ) neh geh bớyô (bau) sớ ở ?

1. Tối nay, anh định đi đâu ?
2. Tôi đi dạo.
3. Tháng tới anh tính làm gì ?
4. Tôi làm việc như thường lệ.
5. Sáng nay bầu trời đẹp quá !
6. Chiều nay chắc trời mưa to lắm đây !
7. Tôi đoán chiều nay chắc trời không mưa
8. Hoàn cảnh kinh tế gia đình của anh dạo này như thế nào ?
9. Đủ ăn thôi, muốn giàu sang như người khác thì không có.
10. Làm giấy khai sinh.
11. Làm giấy khai tử.
12. Tôi kính nể anh.
13. Anh có kinh nghiệm trong công việc này.
14. Đây là vật kỷ niệm của bạn tôi.
15. Chúc anh lên đường bình an.
16. Chúc anh làm ăn phát đạt.
17. Anh là người dân tộc nào ?
18. Tôi là người dân tộc Cơ ho (Kinh, Chăm, Êđê, Mạ,...)
19. Nhà anh có mấy anh em ?
20. Gia đình tôi có bốn anh em: hai ông anh và một đứa em trai.
21. Gia đình anh còn mấy người ?
22. Gia đình tôi còn hai người: tôi và mẹ tôi.
23. Mẹ anh đã bao nhiêu tuổi ?
24. Hiện giờ còn đang làm gì ?
25. Anh (chị) đã có vợ (chồng) chưa ?



DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2007

I. Lĩnh vực nông nghiệp - sinh học

1. Nghiên cứu quy trình tạo phôi vô tính và nhân nhanh cây lan hồ điệp (*Phalaenopsis* spp.) tại Đà Lạt
2. Nghiên cứu quy trình kỹ thuật trồng cây thông đỏ *Taxus wallichiana* Zucc. để làm nguyên liệu sản xuất thuốc chữa ung thư
3. Điều tra, đánh giá, phân loại các loài nấm dưới tán rừng thông tỉnh Lâm Đồng
4. Nghiên cứu phục tráng và phát triển giống chuối đặc sản Laba tỉnh Lâm Đồng
5. Nghiên cứu các biện pháp phòng trừ tổng hợp bệnh xoắn lá cà chua tại 2 huyện Đức Trọng và Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng
6. Đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp để đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp chế biến nông lâm sản trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

II. Lĩnh vực công nghiệp- xây dựng

7. Nghiên cứu thực trạng nghề thủ công của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, đề xuất nội dung và giải pháp phát triển
8. Nghiên cứu xây dựng các tiêu chí đánh giá và đề xuất bảo tồn di sản kiến trúc đô thị thành phố Đà Lạt.

III. Lĩnh vực điều tra cơ bản và môi trường

9. Điều tra, đánh giá đất sản xuất nông nghiệp thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng
10. Điều tra, đánh giá đất sản xuất nông nghiệp huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng
11. Điều tra, đánh giá đất sản xuất nông nghiệp huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng
12. Xây dựng bản đồ quản lý nước ngầm tỷ lệ 1:25.000 vùng trọng điểm dân cư kinh tế huyện Đa Tánh, tỉnh Lâm Đồng
13. Xây dựng bản đồ ngập lụt và hệ thống tháp cảnh báo lũ lụt huyện Cát Tiên tỉnh Lâm Đồng

IV. Lĩnh vực nghiên cứu du lịch

14. Nghiên cứu xác lập các giải pháp hình thành và khai thác hệ thống tour, tuyến, điểm du lịch nhằm thu hút du khách đến Đà Lạt - Lâm Đồng

V. Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

15. Định hướng đào tạo nghề nghiệp và tạo việc làm cho đối tượng vị thành niên tỉnh Lâm Đồng
16. Nghiên cứu những nhân tố chủ yếu để đột phá và tăng tốc nhằm phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2006 - 2010

VI. Lĩnh vực nông thôn miền núi

17. Ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế- xã hội huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng
18. Xây dựng mô hình cải tạo vườn điều cũ năng suất thấp tại 3 huyện phía Nam tỉnh Lâm Đồng
19. Áp dụng những giải pháp kỹ thuật và tiến bộ khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng suất và chất lượng cà phê vối cho tỉnh Lâm Đồng
20. Nghiên cứu áp dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học công nghệ để đẩy mạnh ngành chăn nuôi bò theo hướng tăng năng suất, chất lượng và an toàn dịch bệnh trên địa bàn huyện Di Linh và huyện Đức Trọng tỉnh Lâm Đồng
21. Thực nghiệm nuôi thâm canh cá Diêu hồng trong lồng bè trên hồ Đaklo
22. Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất hoa tại Đà Lạt - Lâm Đồng

VII. Lĩnh vực khoa học quản lý

23. Điều tra, đánh giá hiệu quả các đề tài dự án khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 1996 - 2005

THÔNG BÁO TUYỂN CHỌN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2007

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng thông báo: các đơn vị, cá nhân có đủ năng lực đăng ký tham gia dự tuyển chủ trì thực hiện các đề tài năm 2007 (gồm 9 đề tài theo thứ tự số 2, 4, 6, 7, 14, 15, 16, 20, 23 của Danh mục đề tài năm 2007 đăng tại trang 31).

*** Mẫu đăng ký tham gia tuyển chọn gồm có:**

- Bản thuyết minh đề tài, dự án KH&CN;
- Đơn đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án KH&CN;
- Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ nhiệm đề tài;
- Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm;
- Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp nghiên cứu (nếu có).

* Hồ sơ tham gia tuyển chọn được lập thành 02 bản chính, 12 bản sao, có ký tên, đóng dấu xác nhận của cơ quan chủ trì thực hiện đề tài, được niêm phong và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ: 35 Trần Hưng Đạo, Đà Lạt. Điện thoại: (063) 822106- 821377. Bạn đọc cũng có thể tham khảo thông qua website <http://www.dalat.gov.vn>.

* **Ngoài bì thư ghi rõ:** Hồ sơ tham gia dự tuyển đề tài, dự án KH&CN năm 2007; Tên đề tài, dự án KH&CN dự tuyển; Tên đơn vị tham gia dự tuyển chủ trì thực hiện; Họ và tên cá nhân đăng ký chủ nhiệm đề tài, dự án KH&CN.

* Thời gian nhận hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn kể từ ngày ra thông báo đến hết ngày 28/02/2007 (theo dấu bưu điện).

Thông tin chi tiết xin liên hệ phòng Quản lý Khoa học - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng - Điện thoại: 063.822106 để được hướng dẫn cụ thể.

HỘI THƯ CỘNG TÁC VIÊN

Trong thời gian qua, Tập san Thông tin Khoa học Công nghệ Lâm Đồng đã nhận được các tin, bài viết của tác giả: Trương Trổ, Lê Xuân Phúc, Nguyễn Minh Tâm, Phạm S, Nguyễn Trung Dũng, Trương Ngọc Lý, Hồng Hạnh, Ngọc Anh, Nguyễn Mộng Sinh, Nguyễn Thọ Biên, Võ Khiêm, Võ Thị Hảo, K'Nhiều, Nguyễn Hữu Tranh, Nguyễn Thị Kim Anh, Nguyễn Trọng Hoàng, Phan Bốn, Phạm Thị Bạch Yến, Lê Quang Tường, Nguyễn Hữu Nam, Nguyễn Anh Hùng, Đinh Minh Đăng.

Ban biên tập chân thành cảm ơn sự cộng tác nhiệt tình của các cộng tác viên. Hy vọng rằng trong thời gian tới, sự cộng tác này ngày càng bền chặt hơn.

Trong các số tiếp theo, tập san sẽ tập trung vào các chủ đề: Vấn đề hội nhập và phát triển của Lâm Đồng; Chất lượng hàng nông sản thực phẩm trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; Phát triển bền vững và Chủ đề về Hoa Đà Lạt. Rất mong sẽ tiếp tục nhận được nhiều tin, bài của các anh chị cộng tác viên.

Thư từ, bài vở xin liên hệ:

Phòng Thông tin - Sở hữu trí tuệ

Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng

35 Trần Hưng Đạo Đà Lạt

Điện thoại: 063 833163 Fax: 063 824942

Email: thanhmai@dalat.gov.vn

NHỮNG HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ



Hội nghị cán bộ công chức - viên chức năm 2007
của Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng



Hội thảo bàn giao Mô hình điểm thông tin KHCN
tại thị trấn Thạnh Mỹ - Đơn Dương



Mô hình thâm canh chè, cà phê tại xã Lộc Lâm



Mô hình trồng mây dưới tán rừng tại xã Lộc Lâm



Trao học bổng cho các em học sinh
trường THCS cấp 1-2 Lộc Lâm



Thăm và tặng quà cho bà con
xã Lộc Lâm nhân dịp Tết Đinh Hợi

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG TẠI CHỢ CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ BẢO LỘC - LÂM ĐỒNG NĂM 2006



Trung tâm Ứng dụng KHCN và tin học Lâm Đồng giới thiệu các sản phẩm dịch vụ của đơn vị



Giới thiệu mô hình phát triển chăn nuôi dê của trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh



Giới thiệu các giống cam và quýt ngoại được trồng tại xã Quảng Lập huyện Đức Trọng - Lâm Đồng



Diễn đàn Bảo vệ cây trồng và vấn đề sử dụng an toàn thuốc BVTV



Diễn đàn Phát triển ngành chăn nuôi theo hướng công nghiệp và vấn đề an toàn dịch bệnh



Diễn đàn Nâng cao giá trị nông sản sau chế biến